

ĐIỀU LỆ CHARTER

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

(Bản cập nhật, sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 41-2022/QĐ-HĐTV-YSVN
của Hội đồng thành viên ngày 19 tháng 10 năm 2022)

YUANTA SECURITIES VIETNAM LIMITED COMPANY

*(The update, amendment, supplement under the Decision No. 41-2022/QĐ-HĐTV-YSVN
of Council of Members on 19th October 2022)*

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2023
Ho Chi Minh city, 17th February 2023*



MỤC LỤC

CĂN CỨ PHÁP LÝ.....	1
LEGAL BASES.....	1
Chương I – QUY ĐỊNH CHUNG.....	2
CHAPTER I – GENERAL PROVISIONS.....	2
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	2
Article 1. Definitions.....	2
Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, mạng lưới hoạt động và thời hạn hoạt động của Công ty.....	4
Article 2. Name, legal form, head office, operation network and operation term of the Company.....	4
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật.....	6
Article 3. Legal representative.....	6
Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh.....	9
Article 4. Scope of business.....	9
Điều 5. Mục tiêu hoạt động.....	10
Article 5. Operation objectives.....	10
Điều 6. Nguyên tắc hoạt động.....	11
Article 6. Principles for operation.....	11
Điều 7. Quyền của Công ty.....	12
Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty.....	12
Article 8. Obligations of the Company.....	12
Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế.....	17
Article 9. Provisions on prohibitions and restrictions.....	17
Chương II – VỐN ĐIỀU LỆ, PHẦN VỐN GÓP, THÀNH VIÊN.....	21
CHAPTER II – CHARTER CAPITAL, PAID-UP CAPITAL, MEMBERS.....	21
Mục 1 – VỐN ĐIỀU LỆ, PHẦN VỐN GÓP.....	21
Section 1 – CHARTER CAPITAL AND PAID-UP CAPITAL.....	21
Điều 10. Vốn điều lệ.....	21
Article 10. Charter Capital.....	21
Điều 11. Sổ đăng ký thành viên.....	22
Article 11. Register of Members.....	22
Điều 12. Chuyển nhượng phần vốn góp.....	22
Article 12. Transfer of contributed capital accounts.....	22
Điều 13. Mua lại phần vốn góp.....	23
Article 13. Redemption of paid-up capital amounts.....	23
Điều 14. Cách thức tăng giảm vốn điều lệ.....	24
Article 14. Method of increasing or decreasing the Charter Capital.....	24
Điều 15. Chào bán sản phẩm tài chính.....	25
Article 15. Offering financial products.....	25
Điều 16. Phát hành trái phiếu.....	27
Article 16. Bond issuance.....	27
Điều 17. Vốn đi vay và các loại vốn khác.....	27
Article 17. Borrowed capital and other capitals.....	27
Mục 2 – THÀNH VIÊN SÁNG LẬP; QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN.....	28
Section 2: FOUNDING MEMBERS, RIGHTS AND OBLIGATIONS OF MEMBERS.....	28
Điều 18. Thành viên sáng lập của Công ty.....	28
Article 18. Founding members.....	28
Điều 19. Quyền của thành viên Công ty.....	28
Article 19. Rights of members.....	28
Điều 20. Nghĩa vụ của thành viên công ty.....	30
Article 20. Obligations of the members.....	30

Điều 21	Người đại diện theo ủy quyền của thành viên	31
Article 21.	Authorized representative of member	31
Chương III – QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY		33
Chapter III – MANAGEMENT AND ADMINISTRATION OF THE COMPANY		33
Điều 22.	Cơ cấu quản lý, điều hành Công ty	33
Article 22.	The Company's structure of management and administration	33
Mục 1 – HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN		34
Section 1 – COUNCIL OF MEMBERS		34
Điều 23.	Hội đồng thành viên	34
Article 23.	Council of Members	34
Điều 24.	Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên	34
Article 24.	Rights and obligations of the Council of Members	34
Điều 25.	Cuộc họp Hội đồng thành viên	37
Article 25	Meeting of the Council of Members	37
Điều 26.	Điều kiện họp và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên	41
Article 26.	Conditions and formalities of meetings of the Council of Members	41
Điều 27.	Thông qua quyết định của Hội đồng thành viên	43
Article 27.	Passing of resolutions by the Council of Members	43
Điều 28.	Biên bản họp Hội đồng thành viên	48
Article 28.	Meeting minutes of the Council of Members	48
Điều 29.	Chủ tịch Hội đồng thành viên	49
Article 29.	Chairman of the Council of Members	49
Điều 30.	Bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng thành viên	51
Article 30.	Internal Audit Department of the Council of Members	51
Điều 31.	Hội đồng quản lý rủi ro trực thuộc Hội đồng thành viên	54
Article 31.	Risk Management Committee of Council of Members	54
Điều 32.	Thư ký công ty	55
Article 32.	Corporate Secretary	55
Mục 2 – BAN TỔNG GIÁM ĐỐC		56
Section 2 – BOARD OF MANAGEMENT		56
Điều 33.	Thành phần, nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Tổng Giám đốc	56
Article 33.	Composition, rights and obligations of the Board of Management	56
Điều 34.	Quyền lợi và trách nhiệm của thành viên Ban Tổng Giám đốc	59
Article 34.	Interests and responsibilities of the members of Board of Management	59
Điều 35.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc	61
Article 35.	Criteria and conditions to be the Chief Executive Officer	61
Điều 36	Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc	62
Article 36.	Removal and dismissal of the Chief Executive Officer	62
Điều 37.	Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro thuộc Ban Tổng Giám đốc	63
Article 37.	Internal Control Department and Risk Management Department under the Board of Management	63
Mục 3 – BAN KIỂM SOÁT		65
Section 3 – BOARD OF CONTROLLERS		65
Điều 38.	Số lượng thành viên, thành phần và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát	65
Article 38.	Number, term of office and composition of the Board of Controllers members	65
Điều 39.	Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát	67
Article 39.	Rights and obligations of the Board of Controllers	67
Điều 40.	Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát	72
Article 40.	Method of operation and meetings of the Board of Controllers	72
Điều 41.	Tiêu chuẩn và Điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát	73
Article 41.	Criteria and conditions to be the Controller	73
Điều 42.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	74
Article 42.	Removal and dismissal of the Board of Controllers members	74
Chương IV – XỬ LÝ MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN		74

Chapter IV – DEALING WITH RELATIONS WITH RELEVANT PARTNERS.....	74
Điều 43. Các tranh chấp có thể xảy ra.....	74
Article 43. Potential disputes.....	74
Điều 44. Cách xử lý, giải quyết tranh chấp.....	75
Article 44. Dispute settlement method.....	75
Điều 45. Các hợp đồng, giao dịch phải được chấp thuận.....	76
Article 45. Contracts and transactions subject to approval.....	76
Điều 46. Chế độ báo cáo và công bố thông tin.....	77
Article 46. Reporting regime and information disclosure.....	77
Chương V – QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN.....	79
Chapter V – FINANCIAL MANAGEMENT AND ACCOUNTING.....	79
Điều 47. Năm tài chính.....	80
Article 47. Fiscal year.....	80
Điều 48. Hệ thống kế toán.....	80
Article 48. Accounting system.....	80
Điều 49. Kiểm toán.....	81
Article 49. Auditing.....	81
Điều 50. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận.....	82
Article 50. Principles for profit distribution.....	82
Điều 51. Xử lý lỗ trong kinh doanh.....	83
Article 51. Handling the operating losses.....	83
Điều 52. Trích lập các quỹ theo quy định.....	83
Article 52. Provision for required funds.....	83
Chương VI – TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY.....	83
Chapter VI – REORGANIZATION, DISSOLUTION AND BANKRUPTCY.....	83
Điều 53. Tổ chức lại Công ty.....	83
Article 53. Reorganization.....	83
Điều 54. Giải thể.....	84
Article 54. Dissolution.....	84
Điều 55. Phá sản.....	85
Article 55. Bankruptcy.....	85
Chương VII – THỂ THỨC SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ.....	85
Chapter VII – AMENDMENT AND SUPPLEMENT TO THE CHARTER.....	85
Điều 56. Bổ sung và Sửa đổi Điều lệ.....	85
Article 56. Amendment and supplement to the Charter.....	85
Chương VIII – HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ.....	85
Chapter VIII – VALIDITY OF THE CHARTER.....	85
Điều 57. Ngày hiệu lực.....	85
Article 57. Effective date.....	85

CĂN CỨ PHÁP LÝ
LEGAL BASES

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 có hiệu lực ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh Nghiệp.
Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 passed on 17th June 2020 by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam, effective from 01st January 2021 and its implementation guidelines.
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 có hiệu lực ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán.
Law on Securities No. 54/2019/QH14 passed on 26th November 2019 by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam, effective from 01st January 2021 and its implementation guidelines.
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021.
Decree 155/2020/NĐ-CP dated 31 December 2020 elaborating of some articles of the Law on Securities, effective from 01st January 2021.
- Nghị định 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 có hiệu lực ngày 01/01/2021 và được sửa đổi bởi Nghị định 165/20202/NĐ-CP ngày 16/09/2022 có hiệu lực ngày 16/09/2022 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.
Decree 153/2020/NĐ-CP dated 31 December 2020, effective from 01st January 2021 and amended Decree 165/20202/NĐ-CP dated 16 September 2022, effective from 16 September 2022 prescribing private placement and trading of privately placed corporate bonds in domestic market and offering of corporate bonds in international market.
- Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hướng dẫn về thành Thành lập và hoạt động của Công ty chứng khoán có hiệu lực ngày 15/02/2021.
Circular 121/2020/TT-BTC passed on 31st December 2020 by the Minister of Finance, prescribing operation of securities companies.
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 127/GP-UBCK ngày 14/06/2019 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Giấy phép điều chỉnh số 31/GPĐC-UBCK ngày 26/05/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật và Giấy phép điều chỉnh số 113/GPĐC-UBCK ngày 15/12/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc thay đổi vốn điều lệ.
Establishment and operation license No. 127/GP-UBCK dated 14th June 2019 of the State Securities Commission; Adjustment License No. 31/GPDC-UBCK dated 26th May 2021 of the State Securities Commission on the change of legal

representative and Adjustment License No. 113/GPDC-UBCK dated 15th December 2021 of the State Securities Commission on the change of charter capital.

- Quyết định của Hội đồng thành viên Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Yuanta Việt Nam tại Quyết định số 42-2022/QĐ-HĐTV-YSVN ngày 19/10/2022.
Decision of the Council of Members of Yuanta Securities Vietnam Limited Company under the Decision No. 42-2022/QĐ-HĐTV-YSVN dated October 19th, 2022

Chương I – QUY ĐỊNH CHUNG
CHAPTER I – GENERAL PROVISIONS

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

Article 1. Definitions

- 1.1 Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, các thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
Unless otherwise provided by the terms or context of this Charter, the terms below shall be construed as follows:
- (i) “Công ty” là CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM.
“Company” means YUANTA SECURITIES VIETNAM LIMITED COMPANY
 - (ii) “Vốn điều lệ” là tổng giá trị các phần vốn do thành viên đã góp đủ và được ghi nhận tại Điều 10 Điều lệ này.
“Charter Capital” means the total value of the capital contributed by the members and specified in the Article 10 of this Charter.
 - (iii) “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 có hiệu lực ngày 01/01/2021;
“Law on Securities” means the Law on Securities No. 54/2019/QH14 on 26th November 2019 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam effective from 01 January 2021.
 - (iv) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 có hiệu lực ngày 01/01/2021.
“Law on Enterprises” means Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 passed on 17th June 2020 by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam effective from 01 January 2021.
 - (v) “Điều khoản” là một Điều khoản của Điều lệ này.

"Article" means a provision of this Charter.

- (vi) "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
"Date of establishment" is the date the Company is granted the License for establishment and operation.
- (vii) "Pháp luật" là tất cả văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2015.
"Law" means all legal documents specified in Article 1 of the Law on Promulgation of Legal Documents passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on 22nd June 2015.
- (viii) "Người quản lý công ty" là thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này.
"Company's Managers" includes members of the Council of Members, members of the Board of Management, Branch Directors and other managerial positions having authority to represent the Company to enter into transactions involving the Company as prescribed herein.
- (ix) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp.
Related Person" means an individual or organization with interactive relations in accordance with the Law on Securities and the Law on Enterprises.
- (x) "Trái phiếu" loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn nợ của tổ chức phát hành.
Bonds are securities that certify the holders' lawful rights and interests to a part of the debt of the issuer.
- (xi) "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
"Vietnam" means the Socialist Republic of Vietnam.
- (xii) "UBCK" là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.
"SSC" means the State Securities Commission.
- (xiii) "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và/hoặc Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và/hoặc Sở giao dịch chứng khoán

Hà Nội.

"Stock Exchange" means Vietnam Exchange and/or Hochiminh City Stock Exchange and/or Hanoi Stock Exchange.

- 1.2 Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.
In this Charter, a reference to a or a number of provisions or documents shall include its amendments or replacements.
- 1.3 Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ) được đưa vào để thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa, nội dung của Điều lệ.
The headings (of chapters or Articles of the Charter) are inserted for reference only and do not affect the meaning or content of the Charter.
- 1.4 Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.
Words or terms defined in the Law on Enterprises or the Law on Securities shall have the same meaning in this Charter if they do not conflict with the subject or context.

Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, mạng lưới hoạt động và thời hạn hoạt động của Công ty

Article 2. Name, legal form, head office, operation network and operation term of the Company

2.1 Tên Công ty:

Name of the Company:

- | | | |
|-------|--------------------------------|--|
| (i) | Tên đầy đủ bằng tiếng Việt | : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM |
| | <i>Full name in Vietnamese</i> | : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM |
| (ii) | Tên Tiếng Anh | : YUANTA SECURITIES VIETNAM LIMITED COMPANY |
| | <i>English name</i> | : YUANTA SECURITIES VIETNAM LIMITED COMPANY |
| (iii) | Tên viết tắt | : YSVN |
| | <i>Abbreviated name</i> | : YSVN |
| (iv) | Tên giao dịch | : CÔNG TY CHỨNG KHOÁN YUANTA, hoặc CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM |
| | <i>Transaction name</i> | : YUANTA SECURITIES, or YUANTA SECURITIES VIETNAM |

2.2 Hình thức pháp lý của Công ty:
Legal form of the Company:

Công ty được thành lập và hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, được cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, có tư cách pháp nhân, phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

The company is established and operates in the form of a limited liability company with two or more members, is granted a license for establishment and operation in accordance with the Law on Securities, the Law on Enterprises, has legal status, in accordance with the current laws of Vietnam.

2.3 Trụ sở Công ty:
Head office of the Company:

- (i) Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, Tòa nhà Saigon Centre, số 65 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Address of the head office: 4th Floor, Saigon Centre, 65 Le Loi Boulevard, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City
- (ii) Điện thoại (Telephone number): +84 28 3622 6868
- (iii) Fax: +84 28 3915 2728
- (iv) Website: <http://www.yuanta.com.vn>

Việc thay đổi trụ sở chính do Hội đồng thành viên quyết định và UBCKNN chấp thuận.

The change of address of the head office shall be decided by the Council of Members and approved by the State Securities Commission.

2.4 Mạng lưới hoạt động:
Operation network:

- (i) Công ty có thể thành lập, đóng cửa chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng thành viên và sau khi được UBCK chấp thuận.
The Company may establish or close branches, transaction offices and representative offices to implement its operational objectives in compliance with the resolution of the Council of Members as approved by the SSC.
- (ii) Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện là những đơn vị thuộc Công ty và Công ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi

nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của mình.

Branches, transaction offices and representative offices are subsidiaries of the Company and the Company is fully responsible for operation of its branches, transaction offices and representative offices.

- (iii) Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng khoán tại các địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch đã được UBCK chấp thuận.

The Company only conducts securities business operation and provides securities services at the locations at which its head office, branches and transaction offices are located as approved by the SSC.

- (iv) Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện phải mang tên Công ty kèm theo cụm từ “chi nhánh”, “phòng giao dịch”, “văn phòng đại diện” và tên riêng để phân biệt.

The name of a branch, transaction office or representative office must bear the Company’s name accompanied by the following words: branch, transaction office or representative office and its own name for identification.

2.5 Thời hạn hoạt động:

Operation term:

Thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và vô thời hạn, trừ trường hợp chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này.

Unless the earlier operation is terminated according to the Article 54 of this Charter, the operation term of the Company shall start on the date of establishment and shall be continued indefinitely as prescribed herein.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật

Article 3. Legal representative

- 3.1 Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

The Company’s legal representative is an individual representing the Company to exercise the rights and obligations arising from the transactions initiated by the Company, representing the Company as claimant, defendant, person having

related rights before the Arbitrators, the Courts, and other rights and obligations provided by the laws.

- 3.2 Chức danh của người đại diện theo pháp luật: Tổng Giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên do Hội đồng thành viên quyết định tùy từng thời điểm.
Title of the legal representative: Chairman of Council of Members or Chief Executive Officer decided by the Council of Members from time to time.
- 3.3 Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật:
The legal representative has the following responsibilities:
- (i) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty.
To exercise the delegated rights and obligations honestly and prudently and to his or her best ability in order to assure the lawful interests of the Company.
 - (ii) Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
To be loyal to the interests of the Company; not to use the Company's information, know-how or business opportunities; not to abuse his or her position and power and not to use the Company's assets for his or her personal benefit or that of other organizations or individuals.
 - (iii) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc mình và/hoặc người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.
To notify the Company in a timely, complete and accurate manner that he or she or his or her related person is the owner of or holds controlling contributed capital or shares in other enterprises.
 - (iv) Chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại gây ra cho Công ty do vi phạm trách nhiệm và nghĩa vụ được quy định tại Điều này.
To be personally liable for any loss and damages incurred by the Company due to a breach of the obligations stipulated in this Article.
- 3.4 Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải là người cư trú ở Việt Nam; trường hợp Người đại diện theo pháp luật xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trong trường hợp này, người đại

diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ đã ủy quyền.

The legal representative of the Company must be a resident in Vietnam. Where the Company's legal representative leaves Vietnam, he or she must authorize in writing to another person to exercise the rights and perform the duties of the Company's legal representative. In this case, the legal representative remains responsible for the exercise of authorized rights and duties.

- 3.5 Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo khoản 3.4 Điều này mà Người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền (theo quy định tại khoản 3.4 Điều này) vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi Người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng thành viên quyết định cử người khác làm Người đại diện theo pháp luật.

Where the Company's legal representative has neither returned to Vietnam nor delegated his authority to another person or extend his delegation of authority upon expiry of the term of authorization set out in Clause 3 of this Article, the authorized person will continue to exercise the rights and perform the duties of the Company's legal representative within the scope of authorization until the legal representative returns to Vietnam or until another person is appointed as the Company's legal representative by the Council of Members.

- 3.6 Trường hợp Người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty; hoặc bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng thành viên bổ nhiệm người khác làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

In case the legal representative is absent from Vietnam for more than 30 days without authorization for another person to exercise the rights and perform the duties of the legal representative or is dead, lost, facing criminal prosecution, put in temporary detention, subject to imprisonment, serving an administrative penalty in a correctional institution or rehabilitation center, has restricted capacity for civil acts or loses his or her civil act capacity, has difficulty controlling his/her own behaviors, is banned by the court from holding certain positions or doing certain works, the Council of Members shall appoint another person as the Company's legal representative.

- 3.7 Nếu có thành viên là cá nhân làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì thành viên còn lại đương nhiên làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng thành viên về Người đại diện theo pháp luật của công ty.

If an individual member, acting as the Company's legal representative, is held in custody, put in temporary detention, imprisoned, absconds from his/her place of residence, has his/her civil act capacity restricted or lost or is deprived by a court of the right to practice his/her profession for having committed the crime of smuggling, producing counterfeit goods, conducting illegal business, tax evasion, deceiving customers and other crimes prescribed by the laws, the other members shall naturally act as the Company's legal representative until a new decision on the Company's legal representative is issued by the Council of Members.

- 3.8 Trong một số trường hợp đặc biệt, Người đại diện theo pháp luật do Tòa án, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác chỉ định trong quá trình tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

In certain special circumstances, the legal representative shall be appointed by competent Court or other proceeding authorities during litigation proceedings as prescribed by the laws.

Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh

Article 4. Scope of business

- 4.1 Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty là:
The Company's business activities shall comprise:

- (i) Tư vấn đầu tư chứng khoán
Securities investment advisory
- (ii) Môi giới chứng khoán
Securities brokerage
- (iii) Tự doanh chứng khoán
Securities proprietary trading
- (iv) Bảo lãnh phát hành chứng khoán

Securities underwriting

- (v) Kinh doanh chứng khoán phái sinh
Trading of derivative securities
- (vi) Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh
Settlement or clearing derivative securities transactions
- (vii) Phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng.
Public fund certificate distribution.

4.2 Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại Điều 4.1, Công ty được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng thành viên phê chuẩn.

In addition to the securities business activities set out in Article 4.1, the Company shall be permitted to provide the services of securities depository, financial advisory, management of investors' securities trading accounts in trust and other financial services in accordance with the regulations of the Ministry of Finance. The Company may conduct other business activities permitted by the laws and approved by the Council of Members.

4.3 Công ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh nêu tại Điều 4.1 sau khi được UBCK chấp thuận.

The Company may add or remove one or a number of the professional business activities set out in Article 4.1 upon obtaining the SSC's approval.

Điều 5. Mục tiêu hoạt động

Article 5. Operation objectives

Mục tiêu hoạt động của Công ty là sử dụng vốn hiệu quả nhằm gia tăng lợi nhuận; không ngừng phát triển và mở rộng các hoạt động kinh doanh trên thị trường chứng khoán Việt Nam; thực hiện hoạt động kinh doanh với sự **Chính trực – Chuyên nghiệp – Trung thực - Ổn định** nhằm đem lại lợi ích cho Khách hàng và thành viên Công ty; tạo môi trường làm việc thuận lợi cho người lao động; thực hiện các trách nhiệm xã hội, hoạt động cộng đồng và đóng góp cho ngân sách nhà nước Việt Nam nhằm hướng đến mục tiêu chung phát triển bền vững và thịnh vượng.

The Company's operational objective is to use capital effectively to increase

*profits; to continuously develop and expand business activities in Vietnam's securities markets; carry out the Company's activities with **Integrity - Professionalism - Honesty - Stability** and bring benefits to clients and Members; to provide a conducive working environment for the Company's employees; and to fulfill social responsibility, community activities and contribute to the Vietnamese state budget towards the common goal of sustainable development and prosperity.*

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động

Article 6. Principles for operation

- 6.1 Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và pháp luật có liên quan.
To comply with the law on securities and securities market and relevant laws.
- 6.2 Thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng, trung thực.
To be honest and impartial in carrying out business activities.
- 6.3 Ban hành quy trình nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, quy tắc đạo đức hành nghề phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của Công ty.
To issue business procedures, the internal control and risk management process, and the rules on professional ethics appropriate for the Company's business activities.
- 6.4 Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết để phục vụ cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, tuân thủ quy định của pháp luật.
To ensure the human resources, capital and facilities necessary to carry out the securities business activities and comply with the law.
- 6.5 Tách biệt về văn phòng làm việc, nhân sự, hệ thống dữ liệu, báo cáo giữa các bộ phận nghiệp vụ để đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với khách hàng, giữa khách hàng với nhau. Công ty phải công bố cho khách hàng biết trước về những xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa Công ty, người hành nghề chứng khoán và khách hàng.
To maintain separation of the work office, personnel, data and reporting systems among professional sections in order to avoid any conflict of interest between the Company and its client/s or among its clients. The Company must provide advance notice to a client of conflicts of interest which may arise between the Company, securities practitioners and the client.
- 6.6 Bố trí người hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ hoạt động kinh

doanh. Người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán chỉ được bố trí làm việc tại một (01) bộ phận nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán trong một (01) thời điểm.

To arrange securities practitioners appropriate for the professional business activities. A securities practicing certificate holder may only work at 01 securities-related department at a time.

- 6.7 Dự báo giá hoặc khuyến nghị giao dịch liên quan đến một loại chứng khoán cụ thể trên các phương tiện truyền thông phải ghi rõ cơ sở phân tích và nguồn trích dẫn thông tin.

When a price forecast or a recommendation on trading relating to a specific type of securities on the media is released, the basis for analysis and the information source must be specified.

Điều 7. Quyền của Công ty

Article 7. Rights of the Company

- 7.1 Có tất cả các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, nếu các quyền đó không mâu thuẫn với quy định của Luật Chứng khoán.

To have all rights as stipulated by the Law on Enterprises if such rights are not contrary to the provisions of the Law on Securities.

- 7.2 Cung cấp dịch vụ về chứng khoán và các dịch vụ tài chính trong phạm vi pháp luật cho phép.

To provide securities services and financial services within the scope as permitted by law.

- 7.3 Thực hiện thu phí, lệ phí phù hợp với quy định của Bộ Tài chính.

To collect fees and charges from clients in compliance with the regulations of the Ministry of Finance.

- 7.4 Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của Luật Lao động, tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo quy định của pháp luật.

To give priority to employing local labour, to protect the employees' rights and interests in accordance with the Labour Code, and to respect the right to organize trade unions in accordance with law.

Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty

Article 8. Obligations of the Company

- 8.1 Nguyên tắc chung:

General principles

- (i) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các Luật khác có liên quan.
To fully perform the obligations as stipulated by the Law on Enterprises.
- (ii) Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan.
To establish a system of internal audit, internal control, risk management, and supervision and prevention of conflicts of interest within the Company and in transactions with related persons.
- (iii) Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
To comply with the principles for corporate governance in accordance with law and the Company's Charter.
- (iv) Tuân thủ các quy định về an toàn tài chính theo quy định của Bộ Tài chính.
To comply with the provisions on financial prudent ratios in accordance with regulations of the Ministry of Finance.
- (v) Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại Công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật hoặc sơ suất của nhân viên.
To procure the professional indemnity insurance to cover the securities business activities of the Company or to establish an investor protection fund in order to pay compensation to investors as the result of technical breakdowns or mistakes by the employees.
- (vi) Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty.
To retain complete records and accounts, reflecting in detail and accurately all transactions of clients and of the Company.
- (vii) Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính.
To conduct the sale of, or to permit the client to sell, securities not owned and to lend the client securities to sell in accordance with regulations of the Ministry of Finance.

- (viii) Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về thực hiện nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán.
To comply with the regulations of the Ministry of Finance on securities business activities.
- (ix) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật có liên quan.
To implement the regimes on accounting, auditing, statistics and financial obligations in accordance with the relevant laws.
- (x) Thực hiện công bố thông tin, báo cáo và lưu trữ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.
To conduct the information disclosure, reports and archives in accordance with the Law on Enterprises, the Law on Securities and its implementation guidelines.
- (xi) Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định.
To make contributions to the settlement assistance fund as stip.

8.2 Nghĩa vụ đối với thành viên góp vốn:
Obligations to Members of capital contribution:

- (i) Phân định rõ trách nhiệm giữa Hội đồng thành viên với Chủ tịch Hội đồng thành viên và Ban Kiểm soát để quản lý phù hợp với quy định của pháp luật.
To clearly define the responsibilities between the Council of Members and the Chairman of the Council of Members, or the Board of Controllers, for management in compliance with law.
- (ii) Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các thành viên Công ty để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các thành viên Công ty, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên Công ty.
To establish a communication system with members to ensure provision of complete information and equal treatment among members to ensure the lawful rights and interests of the members.
- (iii) Không được thực hiện các hành vi sau:
To not conduct the following behaviors:
 - a. Cam kết về thu nhập, lợi nhuận cho các thành viên Công ty.
To give an undertaking about income or profit to Members.

- b. Nắm giữ bất hợp pháp các lợi ích, thu nhập từ phần vốn góp của các thành viên Công ty.
To illegally hold any benefit or income derived from capital contribution of Members.

- c. Cung cấp tài chính hoặc bảo lãnh cho các thành viên Công ty một cách trực tiếp hoặc gián tiếp; cho vay dưới mọi hình thức đối với thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh, Kế toán trưởng hoặc các chức danh khác do Hội đồng thành viên bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng này.
To finance or provide guarantees, directly or indirectly, to members; to provide loans in any form to the members of Board of Controllers, the members of Council of Members, the members of Board of Management, the Chief Accountant and other managerial positions appointed by the Council of Members and related persons of the aforesaid persons.

- d. Tạo thu nhập cho thành viên Công ty bằng cách mua lại phần vốn góp của các thành viên dưới các hình thức không phù hợp với quy định của pháp luật.
To create income for members by way of redeeming capital contribution from such members in any form which is not consistent with the laws.

- e. Xâm phạm đến các quyền của thành viên Công ty như: Quyền sở hữu, quyền chọn, quyền giao dịch công bằng, quyền được cung cấp thông tin, các quyền và lợi ích hợp pháp khác.
To violate the rights of members such as ownership, options, the right to impartial trading or right to be provided with information and other lawful rights and interests.

8.3 Nghĩa vụ đối với khách hàng:
Obligations to clients:

- (i) Luôn giữ chữ tín với khách hàng, không xâm phạm tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng.
To maintain the trust given by clients and not violate the assets, rights and other lawful interests of clients.

- (ii) Quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của từng khách hàng, quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của khách hàng với tiền và chứng khoán của

Công ty. Mọi giao dịch bằng tiền của khách hàng phải được Công ty thực hiện qua ngân hàng. Không lạm dụng các tài sản do khách hàng ủy thác cho Công ty quản lý và tiền thanh toán giao dịch của khách hàng, chứng khoán của khách hàng lưu ký tại Công ty.

To separately manage money and securities of each client, to manage separately money and securities of clients from those of the Company. All transactions in cash of clients shall be conducted by the Company via a bank. Not to misuse assets of clients managed by the Company in trust, money of clients for payment for transactions, or securities of clients deposited in the Company.

- (iii) Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng khi thực hiện dịch vụ mà mình cung cấp.

To sign a written contract with a client when services are provided to that client; to provide complete and truthful information to clients when conducting the services provided by it.

- (iv) Chỉ đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng: Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro, kỳ vọng lợi nhuận của khách hàng và cập nhật thông tin theo quy định của pháp luật. Bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công ty cho khách hàng phải phù hợp với từng khách hàng.

To only provide advice appropriate for a client on the basis of efforts to collect the following information about the client: the financial condition, investment objectives, risk-bearing ability and profit expectation of the client and update information in accordance with law. To ensure that investment recommendations and advice given by the Company to each client is appropriate for such client.

- (v) Chịu trách nhiệm về độ tin cậy của những thông tin công bố cho khách hàng. Đảm bảo rằng khách hàng đưa ra các quyết định đầu tư trên cơ sở đã được cung cấp thông tin đầy đủ, bao gồm cả nội dung và rủi ro của sản phẩm, dịch vụ cung cấp. Nghiêm cấm mọi hành vi gian dối và công bố thông tin sai sự thật.

To be responsible for the reliability of information disclosed to clients. To ensure that clients make an investment decision on the basis of complete information provided, including the content and risks of provided products or services. All fraudulent practices and disclosure of untruthful information shall be strictly prohibited.

- (vi) Thận trọng, không tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng.
To be prudent and not create any conflict of interest with clients. Where a such conflict of interest is unavoidable, the Company must notify the client in advance and take necessary measures to ensure impartial treatment of the client.
- (vii) Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty.
To give priority to implementing the clients' orders prior to the Company's orders.
- (viii) Thiết lập một bộ phận chuyên trách, chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng.
To establish a specialized section which is responsible to communicate with clients and resolve the client-based queries and complaints.
- (ix) Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất.
To perform its obligations to clients in the best way.
- (x) Bảo mật thông tin của khách hàng: Công ty có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng; trừ trường hợp kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty và cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
To maintain confidentiality of the client's information: The Company shall be responsible to maintain confidentiality of information relating to the ownership of securities and money of clients, and to refuse any investigation, blockage, retention or transfer of assets of a client without the consent of such client; except for an auditor audits the financial statements of the Company and Information is provided upon request of the competent State authorities.

Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế

Article 9. Provisions on prohibitions and restrictions

- 9.1 Quy định đối với Công ty:
Provisions applicable to the Company:

- (i) Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định.
To not provide statements or guarantee clients about the level of income or return on investments of the clients, or guarantee that clients will not suffer losses, except in the case of investment in fixed income securities.
- (ii) Không được thỏa thuận hoặc đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận/thua lỗ với khách hàng để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;
To not agree or offer a specific rate of interest nor share profit/losses with a client in order to entice clients to participate in trading.
- (iii) Không được trực tiếp hoặc gián tiếp thiết lập các địa điểm ngoài các địa điểm giao dịch đã được UBCK chấp thuận để ký hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán với khách hàng, nhận lệnh, thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán hoặc thanh toán giao dịch chứng khoán với khách hàng, trừ trường hợp thực hiện giao dịch chứng khoán trực tuyến;
To not directly or indirectly set up fixed locations outside the transaction locations approved by the SSC in order to enter into contracts with clients, to receive and implement securities trading orders or to make payment for securities trading to clients except for the cases of online trading.
- (iv) Không nhận lệnh, thanh toán giao dịch với người khác không phải là người đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền của khách hàng bằng văn bản.
To not receive orders from, or make payment for trading to, a person who is not the account – holder without the written authorization of the client.
- (v) Không sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng để đăng ký, giao dịch chứng khoán.
To not use the name or account of a client to register or conduct securities transactions.
- (vi) Không chiếm dụng chứng khoán, tiền hoặc tạm giữ chứng khoán của khách hàng theo hình thức lưu ký dưới tên Công ty;
To not appropriate securities or money nor temporarily retain securities of clients by the way of depository in the name of the Company.
- (vii) Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

To not disclose information on client unless agreed by such client or upon request of the competent State authorities.

- (viii) Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán.
To not take any acts which will result in misunderstanding by clients and investors about prices of securities.

- (ix) Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán không được chứa đựng những thoả thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý của Công ty mà không có lý do chính đáng; hạn chế phạm vi bồi thường của Công ty mà không có lý do chính đáng hoặc chuyển rủi ro từ Công ty sang khách hàng; buộc khách hàng thực hiện nghĩa vụ bồi thường một cách không công bằng và các thoả thuận gây bất lợi một cách không công bằng cho khách hàng.
Contracts for opening of securities trading account must not contain any agreement aimed at evading the legal obligations of the Company without plausible reasons; or limiting the scope of compensation payable by the Company or passing risk from the Company to the client without plausible reasons; or obliging the customer to discharge an obligation to pay compensation on an unfair basis; and agreements that are unfairly disadvantageous to customers.

- (x) Các quy định khác theo quy định của pháp luật.
Other provisions as prescribed by law.

9.2 Quy định đối với người hành nghề chứng khoán của Công ty:
Provisions applicable to securities practitioners:

Trừ trường hợp được cử là người đại diện phần vốn góp hoặc được cử vào ban quản lý công ty của tổ chức sở hữu Công ty hoặc tổ chức mà Công ty đầu tư, người hành nghề chứng khoán không được:

Unless being appointed as representative representing the capital contribution in, or being appointed to the Board of Management of the organization owning the Company or being invested by the Company, a securities practitioner shall not:

- (i) Đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công ty.
Work concurrently for another organization having ownership over or under ownership of the Company.

- (ii) Đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, công ty đầu tư chứng khoán khác.

Simultaneously work for 02 or more securities companies, securities investment fund management companies, branches foreign securities companies or foreign fund management companies in Vietnam, or investment companies.

- (iii) Đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết.
Act concurrently as the Director, the Chief Executive Officer of an organization, making public offering of securities or a listed organization.
- (iv) Chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình (nếu có) tại Công ty. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp khi Công ty không phải là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán.
Only open a securities trading account for himself or herself (if any) at the Company. This provision does not apply to the case when the Company is not a member of the Stock Exchange.
- (v) Khi thực hiện các hoạt động giao dịch trên tài khoản khách hàng, người hành nghề chứng khoán là đại diện cho Công ty và thực hiện với tư cách Công ty. Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được Công ty ủy quyền theo sự ủy thác của khách hàng cho Công ty bằng văn bản.
When the Company's professional activities are performed on Client's account, the securities practitioner shall represent the Company to implement the transactions with clients, and the Company shall be responsible for all activities covered by the securities practitioner. Money or securities in the account of a client shall not be used without the Company's written authorization in accordance with the trust given by such client to the Company in writing.
- (vi) Các quy định khác theo quy định của pháp luật.
Other provisions as prescribed by law.

9.3 Quy định đối với thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc:
Provisions applicable to members of the Council of Members and members of the Board of Management:

- (i) Thành viên Hội đồng thành viên của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của công ty chứng khoán khác.
A member of the Council of Members of the Company must not act

concurrently as a member of the Board of Directors, a member of the Council of Members, or the Director (Chief Executive Officer) of another securities company in Vietnam.

- (ii) Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của công ty chứng khoán khác ở Việt Nam.
The Head of the Board of Controllers must not act concurrently as a member of the Board of Controllers or a manager of another securities company in Vietnam.
- (iii) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Công ty không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác ở Việt Nam.
The Chief Executive Officer or Executive Vice President must not work concurrently for another securities company, fund management company or enterprise in Vietnam.
- (iv) Tổng Giám đốc không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác ở Việt Nam.
The Chief Executive Officer must not act as a member of the Board of Directors or the Council of Members of another securities company in Vietnam.
- (v) Các quy định khác theo quy định của pháp luật.
Other provisions as prescribed by law.

Chương II – VỐN ĐIỀU LỆ, PHẦN VỐN GÓP, THÀNH VIÊN
CHAPTER II – CHARTER CAPITAL, PAID-UP CAPITAL, MEMBERS

Mục 1 – VỐN ĐIỀU LỆ, PHẦN VỐN GÓP
Section 1 – CHARTER CAPITAL AND PAID-UP CAPITAL

Điều 10. Vốn điều lệ

Article 10. Charter Capital

- 10.1 Vốn điều lệ của Công ty là 2.500.000.000.000 VNĐ (Hai nghìn năm trăm tỷ đồng).
The Company's Charter Capital is VND 2,500,000,000,000 (in words: Two thousand five hundred billion Vietnam dong only).
- 10.2 Công ty có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ khi được Hội đồng thành viên thông qua và phù hợp với Điều lệ này và quy định của Pháp luật.

The Company may increase or decrease its charter capital when it is approved by the Council of Members in accordance with this Charter and the provisions of the Law.

Điều 11. Sổ đăng ký thành viên

Article 11. Register of Members

- 11.1 Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký thành viên ngay khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
The Company must establish and maintain a register of members upon issuance of the establishment and operation license.
- 11.2 Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.
The register of members must contain the main provisions as stipulated by the Law on Enterprises.
- 11.3 Hình thức của sổ đăng ký thành viên: Văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
The form of the register of members: in the form of a written document and an electronic file or both.
- 11.4 Sổ đăng ký thành viên được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
The register of members shall be kept at the head office of the Company.
- 11.5 Chủ tịch Hội đồng thành viên phải chịu trách nhiệm trong việc xác nhận đăng ký phần vốn góp cho thành viên một cách đầy đủ, kịp thời. Đồng thời, chịu trách nhiệm lưu giữ sổ đăng ký và đảm bảo tính chính xác của sổ đăng ký, tránh mọi tổn hại gây ra cho thành viên hoặc bên thứ ba do nghĩa vụ nói trên không được thực hiện.
The Chairman of the Council of Members shall be liable for certifying fully and promptly the registration of members and, concurrently, be liable for retaining the register of members and ensuring the accuracy of the register of members to prevent any loss and damages to members or other third parties due to the failure to comply with such duties.

Điều 12. Chuyển nhượng phần vốn góp

Article 12. Transfer of contributed capital accounts

- 12.1 Phần vốn góp của Công ty được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp bị hạn

chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định tại Điều lệ này.

Contributed capital amounts in the Company may be freely transferred, except for the cases in which transfer is restricted as stipulated by the Law on Enterprises, the Law on Securities and the provisions of this Charter.

- 12.2 Giao dịch làm thay đổi phần vốn góp để trở thành thành viên là tổ chức nước ngoài nắm giữ trên 49% vốn điều lệ của Công ty phải được UBCK chấp thuận, trừ trường hợp chuyển nhượng theo quyết định của Tòa án.

The transactions that change the contributed capital to become a member being a foreign organization holding more than 49% of the Company's charter capital must be approved by the State Securities Commission unless capital contribution are transferred pursuant to the Court's decision.

Điều 13. Mua lại phần vốn góp

Article 13. Redemption of paid-up capital amounts

- 13.1 Công ty chỉ được quyền mua lại phần vốn góp khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện và tỷ lệ mua lại theo quy định của pháp luật.

The Company may only redeem contributed capital amount upon satisfaction of all conditions and ratio of redemption as stipulated by the law.

- 13.2 Thành viên có quyền yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp của mình nếu thành viên đó đã bỏ phiếu không tán thành đối với nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên về việc (1) tổ chức lại Công ty, (2) sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Điều lệ công ty liên quan đến quyền và nghĩa vụ của thành viên, Hội đồng thành viên.

A member shall have the right to request the Company to redeem its contributed capital amount if such member votes against a resolution of the Council of Members on the (1) corporate reorganization; (2) the amendments of and additions to the Company's Charter relating to rights and obligations of members and Council of Members.

- 13.3 Yêu cầu mua lại phần vốn góp phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua nghị quyết, quyết định quy định tại Điều lệ này.

The request for redemption of contributed capital amount must be made in writing and sent to the Company within 15 days from the date on which the Council of Members passes the resolution on the aforesaid issues as specified at this clause.

- 13.4 Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của thành viên theo quy định tại Điều này thì Công ty phải mua lại phần vốn góp của thành viên đó theo giá thị trường hoặc giá được xác định theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty, trừ trường hợp hai bên thỏa thuận được về giá. Việc thanh toán chỉ được thực hiện nếu sau khi thanh toán đủ phần vốn góp được mua lại, Công ty vẫn thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
Within 15 days from the day on which the request mentioned in Clause 1 of this Article is received, the Company shall repurchase that member's stake at market value or at a value determined in accordance with the Company's Charter, unless another value is agreed upon by both parties. The payment shall only be made if the Company is still able to pay its debts and other liabilities afterwards.
- 13.5 Trường hợp Công ty không thanh toán được phần vốn góp được yêu cầu mua lại theo quy định tại khoản Điều 13.4 thì thành viên đó có quyền tự do chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho thành viên khác hoặc người không phải là thành viên công ty.
In case the Company is not able to pay for the repurchase of the contributed capital as requested in Article 13.4, the member is entitled to sell the contributed capital to another member or a non-member.

Điều 14. Cách thức tăng giảm vốn điều lệ

Article 14. Method of increasing or decreasing the Charter Capital

- 14.1 Sau khi chính thức đi vào hoạt động, Công ty có thể tăng vốn điều lệ theo quyết định của Hội đồng thành viên nếu đáp ứng quy định của pháp luật hiện hành.
Upon official operation commencement, the Company may increase or decrease the Charter Capital decided by the Council of Members if the requirements of the applicable laws are satisfied.
- 14.2 Cách thức tăng vốn điều lệ của Công ty:
Method of increasing the Company's Charter Capital:
- (i) Tăng vốn góp của thành viên.
Increasing the stakes of members.
 - (ii) Tiếp nhận vốn góp của thành viên mới.
Receiving stakes by new members.
 - (iii) Kết chuyển lợi nhuận để lại, các nguồn vốn hợp lệ khác theo quy định của pháp luật.
The carry-over of retained earnings and other valid source of funds as

stipulated by the law.

- (iv) Chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa công ty và chủ nợ.
Converting debts into capital contribution pursuant to an agreement between the Company and creditor.
- (v) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.
Other forms allowed by laws.

14.3 Giảm vốn điều lệ
The decrease of the Charter Capital

Việc giảm vốn Điều lệ do Hội đồng thành viên quyết định và theo các hình thức phù hợp với quy định pháp luật hiện hành nhưng vẫn phải đảm bảo điều kiện về vốn pháp định sau khi giảm vốn theo quy định hiện hành.
The decrease of Charter Capital shall be decided by the Council of Members and in accordance with current law, provided that post-capital decrease conditions on legal capital stipulated by the applicable regulations must be satisfied.

Điều 15. Chào bán sản phẩm tài chính

Article 15. Offering financial products

- 15.1 Căn cứ theo quy định pháp luật và chấp thuận của UBCK, Công ty sẽ thực hiện chào bán các sản phẩm tài chính (bao gồm phát hành chứng quyền có bảo đảm) và thực hiện tất cả các nghiệp vụ liên quan.
Subject to the provisions of law and the approval of the SSC, the Company will offer financial products (including the issuance of covered warrants) and perform all related operations.
- 15.2 Chứng quyền có bảo đảm là loại chứng khoán có tài sản bảo đảm do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho Công ty theo mức giá đã được xác định trước, tại một thời điểm hoặc trước một thời điểm đã được ấn định hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.
Covered warrant refers to an asset-backed security issued by a securities company to allow the holder to buy (call covered warrant) or sell (put covered warrant) underlying stocks from and to that issuing company at a specified price on or before a pre-determined date or gain the net profit generated from the differential between the strike price and the market price of the underlying asset at the time of exercise.

15.3 Người sở hữu chứng quyền là chủ nợ có bảo đảm một phần của Công ty (không bao gồm lượng chứng quyền chưa lưu hành). Người sở hữu chứng quyền có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bản cáo bạch khi chào bán chứng quyền, bao gồm nhưng không giới hạn trong các quyền nhận thanh toán bằng tiền hoặc chuyển giao chứng khoán cơ sở, chuyển nhượng, tặng cho, để lại thừa kế, cầm cố, thế chấp ...

A holder of a warrant is a creditor of the debt partially covered by the Company (not including untraded warrants). The holder has the rights and obligations under the law and the prospectus when offering warrant, including but not limited to rights to receive payment in cash or transfer of underlying securities, transfer, give away, inherit, pledge, mortgage, etc.

15.4 Trong trường hợp Công ty mất khả năng thanh toán thì các nguồn sau sẽ được sử dụng để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty đối với người sở hữu chứng quyền có bảo đảm:

When the Company is insolvent, the following sources will be used to pay the Company's obligations to the holders:

(i) Tài sản phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm trên tài khoản tự doanh.

Hedging assets for covered warrants on self-trading accounts.

(ii) Tài sản đảm bảo thanh toán đã được Công ty ký quỹ tại ngân hàng lưu ký cho các đợt phát hành chứng quyền có bảo đảm;

The collateral to be deposited at the depository bank for covered warrants issuances.

(i) Bảo lãnh thanh toán chứng quyền có bảo đảm (nếu có).

Guaranteed payment covered warrants (if any).

(iii) Trường hợp các nguồn trên không đủ để thanh toán, quyền lợi của người sở hữu chứng quyền có bảo đảm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

In case where the above sources are not enough for payment, the rights of the holders shall be exercised in accordance with the relevant law on partially secured creditors.

15.5 Trường hợp Công ty bị hợp nhất, sáp nhập thì sẽ áp dụng theo quy định của Luật Doanh nghiệp về hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp.

When the Company is merged or consolidated, the Company's obligations to holders will be applied in accordance with Law on Enterprises about merger and consolidation.

- 15.6 Trường hợp Công ty bị giải thể, phá sản thì áp dụng theo quy định của pháp luật về giải thể, phá sản trong việc thanh toán đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.
When the Company is subject to dissolution or bankruptcy, the Company's obligations to holders will be applied in accordance with the law on dissolution and bankruptcy in the payment for partially secured creditors.

Điều 16. Phát hành trái phiếu

Article 16. Bond issuance

- 16.1 Công ty có quyền phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ này khi cần huy động vốn nhằm bổ sung vào nguồn vốn hoạt động Công ty để phát triển kinh doanh.
The Company has the right to issue bonds in accordance with the law and this Charter when it is needed to raise capital to supplement the Company's operating capital for business development.
- 16.2 Hội đồng thành viên quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, phương thức phát hành, thời điểm phát hành và giá chào bán trái phiếu.
The Council of Members shall decide on the type of bond, the total value of the bond, the method of issuance, the time of issuance and the bond offering price.
- 16.3 Công ty thừa nhận các quyền của Chủ sở hữu Trái phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
The Company acknowledges the rights of the Company's bondholders as regulated by law.

Điều 17. Vốn đi vay và các loại vốn khác

Article 17. Borrowed capital and other capitals

Công ty được vay vốn của tổ chức tín dụng hoặc các hình thức huy động khác theo quy định của pháp luật.
The Company may borrow capital from credit institutions or other forms of mobilization as prescribed by law.

Mục 2 – THÀNH VIÊN SÁNG LẬP; QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN
Section 2: FOUNDING MEMBERS, RIGHTS AND OBLIGATIONS OF MEMBERS

Điều 18. Thành viên sáng lập của Công ty

Article 18. Founding members

STT No.	Tên thành viên Name	Số Giấy CNĐKKD/ Giấy phép/CMND ID Number	Nơi đăng ký Place of registration
01	Yuanta Securities Asia Financial Services Private Limited	202136742Z	Singapore
02	Yuanta Securities (Hong Kong) Company Limited	386250	Hong Kong

Điều 19. Quyền của thành viên Công ty

Article 19. Rights of members

19.1 Thành viên Hội đồng thành viên có các quyền sau đây:
Members of the Council of Members have the following rights:

- (i) Tham dự họp Hội đồng thành viên, thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên.
To participate in meetings of the Council of Members; discuss, propose, votes for the issues within the competence of the Council of Members.
- (ii) Có số phiếu biểu quyết tương ứng với phần vốn góp.
To cast a number of votes that is proportional to the member's contributed capital amount.
- (iii) Được chia lợi nhuận tương ứng với phần vốn góp sau khi công ty đã nộp đủ thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
To receive a proportion of profits that is proportional to the member's contributed capital amount after the Company has settled all taxes and fulfilled other financial obligations as prescribed by law.
- (iv) Được chia giá trị tài sản còn lại của công ty tương ứng với phần vốn góp khi công ty giải thể hoặc phá sản.
To receive a proportion of remaining assets that is proportional to the

member's contributed capital amount after the Company is dissolved or goes bankrupt.

- (v) Được ưu tiên góp thêm vốn vào công ty khi công ty tăng vốn điều lệ;
To have the preemptive right to contribute additional capital when the Charter Capital is increased.
- (vi) Định đoạt phần vốn góp của mình bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ, tặng cho và hình thức khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
To dispose of his/her own contributed capital by transfer part or all of it, give, donate or otherwise in accordance with law.
- (vii) Tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Người đại diện theo pháp luật và người quản lý khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
To file a lawsuit against the Chairman of the Council of Members assembly, the Chief Executive Officer, Legal Representative, or another manager on its own or on behalf of the Company in accordance with Law on Enterprises.

19.2 Ngoài các quyền quy định tại Điều 19.1, thành viên, nhóm thành viên sở hữu từ 10% số vốn điều lệ trở lên hoặc Công ty có một thành viên sở hữu trên 90% vốn điều lệ thì nhóm thành viên còn lại đương nhiên có các quyền sau đây:
Except for the case in Article 19.1, any member or group of members that owns at least 10% of the Charter Capital shall have the additional rights below:

- (i) Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên để giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền.
Request meetings of the Council of Members to resolve issues within its competence.
- (ii) Kiểm tra, xem xét, tra cứu sổ ghi chép và theo dõi các giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm.
Inspect, examine books and monitors transactions, accounting books, and annual financial statements.
- (iii) Kiểm tra, xem xét, tra cứu và sao chụp sổ đăng ký thành viên, biên bản họp, nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên và tài liệu khác của Công ty.
Inspect, examine, copy the member register, meeting minutes, resolutions of the Council of Members, and other documents of the Company.

- (iv) Yêu cầu Tòa án hủy bỏ quyết định của Hội đồng thành viên trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc họp Hội đồng thành viên, nếu trình tự, thủ tục, điều kiện cuộc họp hoặc nội dung quyết định đó không thực hiện đúng hoặc không phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Request the Court to annul the resolution of the Council of Members within 90 days since the meeting's closing date if the meeting procedures and conditions, or contents of such resolution are not correct or not conformable with Law on Enterprises and the Charter.

- 19.3 Trường hợp Công ty có một thành viên sở hữu trên 90% vốn Điều lệ thì nhóm thành viên còn lại đương nhiên có quyền như quy định tại Khoản 19.2 Điều này.

If a Company's member owns more than 90% of Charter Capital, the group of other members shall naturally have the rights prescribed in Clause 19.2 of this Article.

Điều 20. Nghĩa vụ của thành viên công ty

Article 20. Obligations of the members

- 20.1 Góp đủ, đúng hạn số vốn đã cam kết, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

To contribute capital fully and punctually; take liability for the debts and other liabilities of the Company up to the value of capital contributed.

- 20.2 Không được rút vốn đã góp ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp.

To do not withdraw contributed capital in any shape or form, except for the cases stipulated in Law on Enterprises.

- 20.3 Tuân thủ Điều lệ công ty.

To comply with the Company's Charter.

- 20.4 Chấp hành nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên.

To comply with decisions of the Council of Members.

- 20.5 Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty để thực hiện các hành vi sau đây:
To take personal responsibility when g the following acts are undertaken on behalf of the Company:

- (i) Vi phạm pháp luật.

Violations to the laws.

- (ii) Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Công ty và gây thiệt hại cho người khác.
Business operations or transactions that do not serve the Company's interests and cause damage to others.
- (iii) Thanh toán khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
Payment of undue debts while the Company is likely to be in financial danger.
- 20.6 Thành viên góp vốn sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của Công ty thì thành viên đó và người có liên quan (nếu có) không được sở hữu trên 5% vốn điều lệ của một công ty chứng khoán khác ở Việt Nam.
Members holding at least ten percent (10%) of the Charter Capital and related individuals cannot own more than five percent (5%) of total shares or capital in another securities company in Vietnam.
- 20.7 Không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến quyền và lợi ích của Công ty và các thành viên khác.
Cannot exploit their advantage to impair the rights and interests of the Company and other members.
- 20.8 Thông báo đầy đủ, kịp thời cho Công ty trong một số trường hợp theo quy định của pháp luật.
The Company must be timely and completely notified about certain circumstances as prescribed by the laws
- 20.9 Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
Other obligations provided by the laws.

Điều 21 Người đại diện theo ủy quyền của thành viên

Article 21. Authorized representative of member

- 21.1 Người đại diện theo ủy quyền của thành viên phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh thành viên đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
The authorized representative of a member must be an individual, authorized in writing to exercise the rights and perform the obligations stipulated by the law and the Company's Charter in the name of such member.

- 21.2 Việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định sau đây:
The appointment of an authorized representative is governed by:
- (i) Thành viên là tổ chức sở hữu từ 50% vốn điều lệ có thể ủy quyền cho ít nhất 03 người đại diện theo ủy quyền.
The organizational member holding from 50 percent or more of its charter capital may authorize at least 03 (three) representatives.
 - (ii) Thành viên Công ty có quyền thay thế người đại diện theo ủy quyền bất cứ khi nào.
A member of the Company has the right to replace the authorized representative at any time.
- 21.3 Trường hợp thành viên Công ty là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể phần vốn góp cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp thành viên Công ty không xác định phần vốn góp, số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì phần vốn góp, số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.
If an organizational member appoints multiple authorized representatives, such member must specifically determine the specific contributed capital amount of each representative. If such member fails to determine the respective number of stakes of each authorized representative, the number of stakes shall be equally distributed to the number of authorized representatives.
- 21.4 Việc chỉ định, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
The appointment, termination or change of an authorized representative must be notified to the Company in writing and shall only have legal validity in respect of the Company as from the date of receipt of the notice by the Company. The power of attorney must contain the main details as stipulated in the Law on Enterprises.
- 21.5 Người đại diện theo ủy quyền phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
An authorized representative must meet the qualifications and conditions as regulated by the Law on Enterprises.
- 21.6 Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền:
Responsibilities of authorized representatives

- (i) Người đại diện theo ủy quyền nhân danh thành viên Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của thành viên theo quy định của pháp luật. Mọi hạn chế của thành viên đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của thành viên tương ứng tại Hội đồng thành viên tương ứng đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.
The authorized representative shall, in the name of a member, perform the rights and obligations of such member at the Council of Members meeting in accordance with the law. All restrictions imposed by the member on its authorized representative in the performance of respective rights and obligations of the member at the Council of Members shall have no legal validity in respect of a third party.
- (ii) Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp của Hội đồng thành viên; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của thành viên ủy quyền.
The authorized representative is responsible to attend all meetings of the Council of Members; and to perform the authorized rights and obligations honestly and prudently and to his or her best ability in order to protect the lawful interests of the authorizing member.
- (iii) Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước thành viên ủy quyền do vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều này. Thành viên ủy quyền chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.
The authorized representative is responsible to the authorizing member for any breach of his or her obligations stipulated in this Article. The authorizing member is responsible to a third party for any liability arising related to the rights and obligations performed by the authorized representative.

Chương III – QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY
Chapter III – MANAGEMENT AND ADMINISTRATION OF THE COMPANY

Điều 22. Cơ cấu quản lý, điều hành Công ty

Article 22. The Company's structure of management and administration

22.1 Hội đồng thành viên.
Council of Members

- 22.2 Chủ tịch Hội đồng thành viên
Chairman of the Council of Members.
- 22.3 Ban Tổng Giám đốc.
Board of Management
- 22.4 Ban Kiểm soát.
Board of Controllers

Mục 1 – HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
Section 1 – COUNCIL OF MEMBERS

Điều 23. Hội đồng thành viên

Article 23. Council of Members

Hội đồng thành viên là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả thành viên. Thành viên là tổ chức chỉ định người đại diện theo ủy quyền để tham gia Hội đồng thành viên.

The Council of Members shall be the highest decision-making authority of the Company. A member being a corporate entity shall assign its authorized representative(s) to participate in the Council of Members

Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên

Article 24. Rights and obligations of the Council of Members

- 24.1 Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty.
To make decisions on the Company's development strategies and annual business plans.
- 24.2 Quyết định tăng hoặc giảm vốn điều lệ, quyết định thời điểm và phương thức huy động thêm vốn; quyết định phát hành trái phiếu;
To make decisions on Charter Capital changes, the timing and the method of fund-raising; make decision on bond issuance.
- 24.3 Quyết định dự án đầu tư phát triển của công ty; giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và chuyển giao công nghệ.
To make decisions on the Company's development and investment projects.
- 24.4 Thông qua hợp đồng vay, cho vay, bán tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của Công

- ty.
To make decisions on solutions for market development, marketing and technology transfer; ratify loan or asset sale contracts worth at least 50% of total value of assets as shown in the Company's latest financial statements.
- 24.5 Quyết định việc phát hành chứng quyền theo quy định của pháp luật.
To make decisions on the issuance of cover warrants as prescribed by the laws.
- 24.6 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký và chấm dứt hợp đồng đối với thành viên Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, kiểm toán nội bộ, thư ký Công ty, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh khác theo quy định của Công ty.
To elect, dismiss and discharge the Chairman of the Council of Members, members of the Board of Controllers; make decisions on appointment, dismissal, deposition, sign and terminate contract with the members of the Board of Management, Chief Finance Officer, Chief Accountant, members of Internal Auditor, Corporate Secretary, Branch Director and other positions in accordance with the Company's internal regulations.
- 24.7 Quyết định mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, người đại diện theo ủy quyền của thành viên, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh khác theo quy định của Công ty.
To make decisions on on remuneration, benefits for the Chairman of the Council of Members, authorized persons of members, member of Board of Controllers, members of the Board of Management, Chief Finance Officer, Chief Accountant and other position in accordance with the Company's internal regulations.
- 24.8 Thông qua báo cáo tài chính hằng năm, phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc phương án xử lý lỗ của Công ty.
To approve the Company's annual financial statements and plans for profit use and distribution or loss handling.
- 24.9 Quyết định cơ cấu quản lý, điều hành; cơ cấu tổ chức các khối - phòng ban - bộ phận trong Công ty.
To make decisions on the organizational and managerial structure, structure of division – department – team of the Company.
- 24.10 Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch.
To make decisions on the establishment of subsidiaries, branches, representative offices, transaction offices.

- 24.11 Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
To amend and supplement the Company's Charter.
- 24.12 Quyết định tổ chức lại Công ty.
To make decisions on the Company's restructuring.
- 24.13 Quyết định giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty.
To make decisions on the Company's dissolution and bankruptcy.
- 24.14 Xây dựng quy trình nội bộ về thủ tục, trình tự triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên; xây dựng quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng thành viên với Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc; xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý Công ty.
To establish a standard procedure for convening meeting and voting in the Council of Members meeting; and procedures for operational collaboration between the Council of Members and Board of Controllers, Board of Management; set up policies for assessment, remuneration and disciplinary measures for the Chairman of the Council of Members, member of Board of Management and Company's managers.
- 24.15 Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro nhằm quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty và kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty.
To establish department or assign individuals on internal audit and risk management in order to regulate risk management policies and strategies for the Company's activities and inspect and assess the relevance and performance of the Company's existing risk management system.
- 24.16 Thành lập các hội đồng thực hiện các chức năng cụ thể để hỗ trợ Hội đồng thành viên thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.
Establish committees to perform specific functions to assist the Council of Members in performing its rights and obligations.
- 24.17 Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các thành viên và Công ty. Hội đồng thành viên có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai công tác cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này.
To prevent and settle disputes between members and the Company. The Council of Members can assign personnel to deploy requisite systems or establish divisions

specialized in settling internal disputes or facilitating this purpose.

- 24.18 Phê chuẩn các giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính do Ban Tổng Giám đốc đề trình (nếu có).
To ratify transactions (if any) beyond business and financial plans, which are proposed by the Chief Executive Officer and Board of Management.
- 24.19 Giám sát, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày.
Supervise the Board of Management in managing the Company's daily business.
- 24.20 Hội đồng thành viên có quyền phủ quyết quyết định của Tổng Giám đốc/Ban Tổng Giám đốc trong việc tiến hành bất kỳ một hoạt động quy chuẩn nào, với điều kiện phủ quyết đó là có cơ sở.
The Council of Members has the right to veto the decision of Chief Executive Officer/ the Board of Management in conducting any standard activities, provided that such veto is grounded.
- 24.21 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật có liên quan; và các quy định nội bộ khác không trái với Điều lệ này.
Other rights and duties as per the Law on Enterprises, the Law on Securities, relevant laws and other internal regulations not contrary to this Charter.

Điều 25. Cuộc họp Hội đồng thành viên

Article 25 Meeting of the Council of Members

- 25.1 Số lượng, thời gian, cách thức tổ chức, địa điểm họp:
Number, time, organization and location of the meetings
- (i) Trường hợp cuộc họp Hội đồng thành viên được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Hội đồng thành viên được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp, trừ trường hợp tổ chức theo hình thức nghị sự quy định tại khoản 2, Điều 26 của Điều lệ này.
The meeting of the Council of Members shall be convened one (01) meeting per quarter. If a meeting of the Council of Members is concurrently held in various locations, the meeting location shall be determined as the location where the chairman of the meeting attends, except for the case in Clause 2 of Article 26 of this Charter.

- (ii) Cuộc họp của Hội đồng thành viên phải được tổ chức tại trụ sở chính của Công ty hoặc địa điểm khác do Chủ tịch Hội đồng thành viên quyết định, tùy từng thời điểm.
The meeting of the Council of Members shall be convened at the Company's head office or other places decided by the Chairman of the Council of Members from time to time.

25.2 Triệu tập họp Hội đồng thành viên

Call the meetings of the Council of Members

- (i) Hội đồng thành viên được triệu tập họp theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc theo yêu cầu của thành viên hoặc nhóm thành viên quy định tại Điều 19.2 của Điều lệ này.
Council of Members can convene the meetings at the request of its Chairman or member(s) or group(s) of members as per Articles 19.2 herein.
- (ii) Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người triệu tập họp chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu họp, triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng thành viên. Thành viên có quyền kiến nghị bổ sung nội dung chương trình họp bằng văn bản. Kiến nghị phải bao gồm các nội dung theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
Chairman of the Council of Members or the person that convenes the meeting shall prepare the agenda, materials and convene the meetings of the Council of Members. Members are entitled to propose supplements to the meeting agenda in writing. Such proposals must be in accordance with the Law on Enterprises.
- (iii) Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người triệu tập họp phải chấp thuận kiến nghị và bổ sung chương trình họp Hội đồng thành viên nếu kiến nghị có đủ nội dung theo quy định và được gửi đến trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 01 ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng thành viên; trường hợp kiến nghị được trình ngay trước khi bắt đầu họp thì kiến nghị được chấp thuận nếu đa số các thành viên dự họp tán thành.
If members deliver proposals to the Company's head office no later than 01 working day prior to the meeting of the Council of Members and the proposal meets all the content as prescribed, the Chairman of the Council of Members or the person that convenes the meeting must approve and adopt such proposals into the agenda. If proposals are put forward immediately before the meeting, such proposals shall be approved by the majority of members who attend the meeting.

- (iv) Thông báo mời họp Hội đồng thành viên có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử (email) hoặc phương thức khác do Chủ tịch Hội đồng thành viên quyết định và được gửi trực tiếp đến từng thành viên Hội đồng thành viên. Nội dung thông báo mời họp phải xác định rõ thời gian, địa điểm và chương trình họp.
The invitation notice to the meeting of the Council of Members may be made by letter of invitation, telephone, fax, telex, electronic mail or other electronic means decided by the Chairman of the Council of Members from time to time and directly delivered to each member of the Council of Members. The contents of the meeting notice must specify the meeting time, place and agenda.
- (v) Chương trình và tài liệu họp phải được gửi cho thành viên Công ty trước khi họp. Tài liệu sử dụng trong cuộc họp liên quan đến quyết định về sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, thông qua chiến lược phát triển công ty, thông qua báo cáo tài chính hằng năm, tổ chức lại hoặc giải thể công ty phải được gửi đến các thành viên chậm nhất là 07 ngày làm việc trước ngày họp.
The meeting agenda and materials must be provided to members prior to the meeting. Members must be given the meeting material regarding decisions on amendments and supplements to the Company's Charter, approval of the Company's growth directions or annual financial reports, the Company's restructuring or dissolution in at least 07 working days prior to the meeting.
- (vi) Trường hợp thành viên, nhóm thành viên theo quy định tại Điều 19.2 của Điều lệ này yêu cầu họp Hội đồng thành viên thì yêu cầu này phải được lập bằng văn bản và có đầy đủ các nội dung chủ yếu sau đây:
A requisition for a meeting of the Council of Members from a member or group of members as per Articles 19.2 herein, must be executed in writing and covered with following information:
- a. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với thành viên là tổ chức; tỷ lệ phần vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của từng thành viên yêu cầu.
Full names, permanent registered residence addresses, nationality, citizen identification card numbers or ID card numbers, passport numbers or other valid identity papers for natural persons as member; names, company numbers or establishment decision numbers, main business addresses for

organizations as member; rate of contributed capital, number and date of issue of Certificate of Capital Contribution of each member.

- b. Lý do yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên và vấn đề cần giải quyết.
Grounds and reasons for requesting a Council of Members meeting and matters that need to be solved.
 - c. Dự kiến chương trình họp.
Agenda and proposals.
 - d. Họ, tên, chữ ký của từng thành viên yêu cầu hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ.
Full names, signatures of member or their representatives.
- (vii) Chủ tịch Hội đồng thành viên phải triệu tập họp trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu đảm bảo nội dung theo quy định. Nếu yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên không có đủ nội dung theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng thành viên phải thông báo bằng văn bản cho thành viên, nhóm thành viên có liên quan biết trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.
Chairman of the Council of Members must convene such meeting within 15 days upon the receipt of a request that is in compliance to the regulations. If the request does not contain adequate information as per the regulations, the Chairman of the Council of Members must inform the concerned member or group of members in writing within 07 working days upon the receipt of such request.
- (viii) Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp Hội đồng thành viên theo quy định thì phải chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về thiệt hại xảy ra đối với Công ty và các thành viên có liên quan. Trong trường hợp này, thành viên hoặc nhóm thành viên đã yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên có quyền triệu tập họp Hội đồng thành viên và được Công ty hoàn lại chi phí hợp lý cho việc triệu tập họp này.
If the Chairman of the Council of Members does not convene its meeting as per the regulations, he or she shall incur personal liabilities for all damage to the Company and relevant members. In such event, the member or group of members requesting the meeting of the Council of Members shall be entitled to summon the meeting and seek reimbursement for the justifiable cost of convening and holding the meeting from the Company

Điều 26. Điều kiện họp và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên

Article 26. Conditions and formalities of meetings of the Council of Members

26.1 Điều kiện tiến hành họp Hội đồng thành viên

Conditions for convening the meetings of the Council of Members.

- (i) Cuộc họp Hội đồng thành viên được tiến hành khi có số thành viên dự họp sở hữu từ 65% vốn điều lệ trở lên.
A meeting of the Council of Members shall be convened when it is attended by a number of members that hold at least 65% of Charter Capital.
- (ii) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ Điều kiện tiến hành thì triệu tập họp lần tiếp theo được quy định như sau:
If the conditions for holding a meeting of the Council of Members prescribed in Clause 1 of this Article are not satisfied, the second meeting shall be held as follows:
- a. Triệu tập họp lần thứ hai phải được thực hiện trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Hội đồng thành viên triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên dự họp sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở lên.
The second meeting shall be held within 15 days from the intended date of the first meeting. The second meeting shall be held when it is attended by a number of members that hold at least 50% of Charter Capital.
- b. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại tiết a của điểm này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp Hội đồng thành viên được tiến hành không phụ thuộc số thành viên dự họp và số vốn điều lệ được đại diện bởi số thành viên dự họp.
If the conditions for holding the second meeting of the Council of Members prescribed in paragraph (i) of this point are not satisfied, the third meeting shall be held within 10 working days from the intended date of the second meeting. In this case, the meeting of the Council of Members shall be held regardless of the number of attending members and the amount of Charter Capital held by the attending members.
- c. Các quy định tại điểm (ii) này không áp dụng khi thông qua các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này.
The provision in this point (ii) shall not apply to the case of approving contracts or transactions under Article 45 of this Charter.

26.2 Thể thức tiến hành cuộc họp Hội đồng thành viên, hình thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên:

The formalities of meetings of the Council of Members

- (i) Chủ tịch Hội đồng thành viên là Chủ tọa cuộc họp. Trường hợp vắng mặt thì Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên trong Hội đồng thành viên để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình. Trường hợp không có ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu ra một (01) người trong số các thành viên, tạm thời thực hiện quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo nguyên tắc đa số quá bán. Trong trường hợp này, Chủ tọa cuộc họp có các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.

The Chairman of the Council of Members is the Chairman of the meeting. In case of absence, the Chairman of the Council of Members shall authorize in writing a member of the Council of Members to exercise his / her rights and perform his/her tasks. In case there is no authorization or the Chairman of the Council of Members is not able to work, the remaining members shall elect by majority voting one (01) of them to temporarily exercise the rights and duties of the Chairman of the Council of Members. In this case, the chairman of the meeting shall have the rights and duties of the Chairman of the Council of Members in accordance with this Charter and the provisions of laws.

- (ii) Hội đồng thành viên thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình, các ý kiến không thống nhất của các thành viên tại cuộc họp phải được phản ánh trong biên bản. Chủ tọa công bố kết quả biểu quyết ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

The Council of Members shall discuss each proposal in the meeting agenda, and the views, approval or disapproval of the members at the meeting must be reflected in the minutes. The Chairman shall announce the voting results before the closing of the meeting and the members must jointly sign the minutes of the meeting.

- (iii) Cuộc họp của Hội đồng thành viên có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng thành viên khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia cuộc họp, đều có thể:

A meeting of the Council of Members may be organized in the form of a meeting among the members when all or some of the members are in different places, provided that each participating member can:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng thành viên khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.
Audibly hear each member of the Council of Members speaking in the meeting.
- b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.
If desired, he or she can speak to all other participants concurrently.
- (iv) Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả các phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng thành viên tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm trên lãnh thổ Việt Nam mà nhóm thành viên Hội đồng thành viên đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một địa điểm như vậy, là trụ sở chính Công ty hoặc địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện, tùy thuộc vào sự thống nhất của Hội đồng thành viên.
The discussion between members can be made directly by telephone or by other means of communication or a combination of all these methods. According to this Charter, members of the Council of Members participating in such meeting shall be considered as "present" at such meeting. The meeting venue held under this provision shall be the place in the territory of Vietnam where the majority of the members of the Council of Members shall assemble or, if no such venue is available, the place is the head office of the Company or where the Chairman is present, subject to the agreement of the Council of Members.

Điều 27. Thông qua quyết định của Hội đồng thành viên

Article 27. Passing of resolutions by the Council of Members

- 27.1 Hội đồng thành viên thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
The Council of Members shall ratify the resolution within its competence through voting at the meeting or by collecting written opinion.
- 27.2 Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên:
The following issues shall be resolved through voting at the meeting of the Council of Members:

- (i) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty.
Amendments to the Company's Charter.
 - (ii) Quyết định phương hướng phát triển công ty.
The Company's development orientation.
 - (iii) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc.
Election, removal or dismissal of the Chairman of the Council of Members; designation, dismissal of the Chief Executive Officer.
 - (iv) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.
Approval for the annual financial statement.
 - (v) Tổ chức lại hoặc giải thể công ty.
Restructuring or dissolution of the Company.
- 27.3 Quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua tại cuộc họp trong các trường hợp sau:
The resolution of the Council of Members shall be ratified at the meeting in the following cases:
- (i) Được số phiếu đại diện ít nhất 65% tổng số vốn góp của các thành viên dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.
It receives a number of approval votes that represents at least 65% of total contributed capital amount of attending members, except for the case in Point b of this Clause.
 - (ii) Được số phiếu đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp của các thành viên dự họp tán thành đối với quyết định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty.
In case of a decision to sell assets of which the value is from 50% and more of total asset value according to the latest financial statements; in case of amendments and supplements to the Company's Charter; in case of the Company's restructuring or dissolution, the resolution must receive a number of approval votes that represents at least 75% of total contributed capital amount attending members.
- 27.4 Thành viên được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên trong trường hợp sau đây:

A member is considered to have attended and cast votes at the meeting of the Council of Members when such person:

- (i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
Attends and directly votes at the meeting.
- (ii) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
Authorizes another person to attend and cast votes at the meeting.
- (iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
Attends and casts votes through online meeting, cast electronic votes or use another electronic medium.
- (iv) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
Sends votes to the meeting by post office, fax, or email.

27.5 Quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản khi được số thành viên sở hữu ít nhất 65% vốn điều lệ tán thành trừ quy định tại Điều 45 Điều lệ này.

A resolution of the Council of Members shall be ratified in the form of collecting written opinion if this method is approved by a number of members that holds at least 65 % of Charter Capital except for provisions of Article 45 of this Charter.

27.6 Thủ tục thông qua quyết định của Hội đồng thành viên theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, như sau:

The resolution of the Council of Members shall be effective since it is ratified or since its effective date written therein, as follows:

- (i) Chủ tịch Hội đồng thành viên quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng thành viên bằng văn bản để thông qua quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền.
The Chairman of the Council of Members decides to collect written opinion from members of the Council of Members to cast to ratify the issues within its competence.
- (ii) Chủ tịch Hội đồng thành viên có trách nhiệm tổ chức việc soạn thảo, gửi các báo cáo, tờ trình về nội dung cần quyết định, dự thảo nghị quyết và phiếu lấy ý kiến đến các thành viên Hội đồng thành viên.
The Chairman of Council of Members shall organize the drafting, sending of reports on the issues that need deciding, the draft resolution, and collecting opinion in written form to members of the Council of Members.

- (iii) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
The vote shall contain:
- a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính.
Name, business code, headquarter address
 - b. Họ, tên, địa chỉ, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, tỷ lệ phần vốn của thành viên Hội đồng thành viên.
The full name, address, nationality, ID/passport number or other valid identity papers, stake holding of the member.
 - c. Vấn đề cần lấy ý kiến và ý kiến trả lời tương ứng theo thứ tự tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
The issues and responses in the following order: in favour, against, and abstentions.
 - d. Thời hạn cuối cùng phải gửi phiếu lấy ý kiến về công ty.
Deadline for submitting the collecting opinion in written form.
 - e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng thành viên.
Full name and signature of the Chairman of the Council of Members.
- (iv) Phiếu lấy ý kiến có nội dung đầy đủ, có chữ ký của thành viên công ty và được gửi về công ty trong thời hạn quy định được coi là hợp lệ.
A vote that contains sufficient information, bears the signature of the member, and is sent to the Company by the deadline is considered valid.
- (v) Chủ tịch Hội đồng thành viên tổ chức việc kiểm phiếu, lập báo cáo và thông báo kết quả kiểm phiếu, quyết định được thông qua đến các thành viên trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn mà thành viên phải gửi ý kiến về công ty. Báo cáo kết quả kiểm phiếu có giá trị tương đương biên bản họp Hội đồng thành viên và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
The Chairman of the Council of Members shall organize the vote counting, make a vote counting report, and notify the result and the approved decisions to members within 07 working days since voting deadline. The report on vote count result is as valuable as the minutes of meeting of the Council of Members and must contain the following information:
- a. Mục đích, nội dung lấy ý kiến.

Voting purposes and contents.

- b. Họ, tên, tỷ lệ vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của thành viên, người đại diện theo ủy quyền đã gửi phiếu lấy ý kiến hợp lệ; họ, tên, tỷ lệ vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của thành viên, người đại diện ủy quyền của thành viên mà không nhận được phiếu lấy ý kiến hoặc gửi phiếu lấy ý kiến không hợp lệ.

Full names, proportions of contributed capital amount, numbers and issuance dates of certificates of capital contribution of members or authorized representatives that submit valid collecting opinion in written form; Full names, proportions of stakes, numbers and issuance dates of certificates of capital contribution of members or authorized representatives that do not submit collecting opinion in written form or that submit invalid collecting opinion in written form.

- c. Vấn đề được lấy ý kiến và biểu quyết; tóm tắt ý kiến của thành viên về từng vấn đề lấy ý kiến (nếu có).

The issues that need voting; summary opinions of members about each issue (if any).

- d. Tổng số phiếu lấy ý kiến hợp lệ, không hợp lệ, không nhận được; tổng số phiếu lấy ý kiến hợp lệ tán thành, không tán thành đối với từng vấn đề biểu quyết.

Total number of valid collecting opinion in written form, invalid collecting opinion in written form, unsubmitted collecting opinion in written form; total number of valid forms with assenting opinions, those with dissenting opinions with regard to each issue.

- e. Các quyết định được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết tương ứng;

The decisions ratified and the corresponding ratio of votes.

- f. Họ, tên, chữ ký của người kiểm phiếu và Chủ tịch Hội đồng thành viên. Người kiểm phiếu và Chủ tịch Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm liên đới về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của nội dung báo cáo kết quả kiểm phiếu.

Full name and signature of the counter and the Chairman of the Council of Members. The counter and the Chairman of Council of Members are jointly responsible for the accuracy and truthfulness of the report on vote counting result.

27.7 Hiệu lực quyết định của Hội đồng thành viên
Effect of resolutions and decisions of the Council of Members

- (i) Quyết định của Hội đồng thành viên có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết.
Unless otherwise prescribed by the Company's charter, a resolution or decision of the Council of Members shall take effect from the day on which it is ratified on or the effective date specified therein.
- (ii) Quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua bằng 100% tổng số vốn điều lệ là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả trong trường hợp trình tự và thủ tục thông qua quyết định đó không được thực hiện đúng quy định.
A resolution or decision that is ratified with 100% of total charter capital shall be lawful and effective even if the procedures for ratification of such resolution or decision are not followed.
- (iii) Trường hợp thành viên, nhóm thành viên yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định đó vẫn có hiệu lực thi hành theo quy định tại điểm (i) Điều 27.7 này cho đến khi có quyết định hủy bỏ của Tòa án hoặc Trọng tài có hiệu lực pháp luật, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
In case a member or group of members requests the court or an arbitral tribunal to invalidate a ratified resolution or decision, it will remain effective as prescribed in point (i) of this Article 27.7 until the court or an arbitral tribunal issues a decision to invalidate it, except for the cases in which temporary emergency measures have to be implemented under decision of a competent authority.

Điều 28. Biên bản họp Hội đồng thành viên

Article 28. Meeting minutes of the Council of Members

- 28.1 Các cuộc họp của Hội đồng thành viên phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác.
Meetings of the Council of Members shall be recorded in meeting minutes and may be recorded in audio and filed in other electronic forms.
- 28.2 Biên bản họp Hội đồng thành viên phải thông qua ngay trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải bao gồm các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
Meeting minutes of the Council of Members must be completed and approved prior to the closing of such meeting. Meeting minutes of the Council of Members shall be containing main contents as stipulated by the Law on Enterprises.

28.3 Người ghi biên bản và chủ tọa cuộc họp ký biên bản họp Hội đồng thành viên và chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng thành viên.

The meeting chair and secretary shall sign the minutes and shall be jointly liable for the truthfulness and accuracy of the contents of the minutes.

28.4 Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng thành viên tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp.

In case the meeting chair and the minute taker refuse to sign the minutes, the minute will be effective if it is signed by the other members of the Council of Members and contain all information prescribed in Law on Enterprises. The minutes shall clearly state the chair and the minute taker refuse to sign them.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng thành viên

Article 29. Chairman of the Council of Members

29.1 Chủ tịch Hội đồng thành viên do Hội đồng thành viên bầu ra trong số các thành viên.

One of the members of the Council of Members shall be elected as its Chairman.

29.2 Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

Chairman of the Council of Members can concurrently be the Chief Executive Officer of the Company.

29.3 Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng thành viên là: 05 năm. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Chairman of the Council of Members shall hold a term of 05 year(s). Chairman of the Council of Members may be re-elected for unlimited terms.

29.4 Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên:

Rights and duties of the Chairman of the Council of Members:

(i) Chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên.
To prepare the agenda and action plan of the Council of Members.

(ii) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng thành viên hoặc để lấy ý kiến các thành viên.

To prepare the agenda and written materials for the meetings of the Council of Members or for consultation with its members.

- (iii) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên.
To convene and chair the meetings of the Council of Members or organize consultations with its members.
- (iv) Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng thành viên.
To supervise or organize the supervision of the execution of decisions from the Council of Members.
- (v) Thay mặt Hội đồng thành viên ký các quyết định của Hội đồng thành viên;
To represent the Council of Members to sign its decisions.
- (vi) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
To execute other rights and duties according to the Law on Enterprises and the Company's Charter.

29.5 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên vắng mặt hoặc không thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo nguyên tắc quy định tại Điều 29.6. Trường hợp không có thành viên được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì một trong số các thành viên Hội đồng thành viên triệu tập họp các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời làm Chủ tịch Hội đồng thành viên theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng thành viên.

Where the Chairman of the Council of Members is absent or unable to perform his or her duties, he or she shall authorize in writing another member to exercise the rights and perform the obligations of the Chairman of the Council of Members in accordance with Article 29.6. Where no person is authorized or the Chairman is dead, missing, detained, serving an imprisonment sentence, serving an administrative penalty in a correctional institution or rehabilitation center, making a getaway; has limited legal capacity or is incapacitated, has difficulty controlling his/her behavior, is prohibited by the court from holding certain positions or doing

certain works, one of the Council of Members shall convene a meeting with the remaining members to elect one of them to temporarily hold the position of the Chairman of the Council of Members under the majority rule until a new decision is issued by the Council of Members.

29.6 Quy tắc Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền cho thành viên Hội đồng thành viên thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình:

The principles for the Chairman of the Council of Members to authorize one of its members to exercise his rights and duties shall be:

(i) Việc ủy quyền được thực hiện bằng văn bản hoặc fax, email thể hiện rõ họ tên của người được ủy quyền; nội dung và thời hạn ủy quyền.
The authorization shall be made in writing or by fax or email, clearly stating full name of the authorized person; the content and duration of the authorization.

(ii) Người được ủy quyền chịu trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên;
The authorized person is responsible for exercising the authorized rights and obligations of the Chairman of the Council of Members.

(iii) Người được ủy quyền không được phép ủy quyền lại.
The authorized person is not allowed to delegate away his or her authority to another person.

29.7 Chủ tịch Hội đồng thành viên phải thực hiện trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo quy định tại Điều 71 Luật Doanh nghiệp.

Chairman of the Council of Members must perform his duties according to Article 71 of the Law on Enterprises.

Điều 30. Bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng thành viên

Article 30. Internal Audit Department of the Council of Members

30.1 Nhân sự bộ phận kiểm toán nội bộ được bổ nhiệm, miễn nhiệm bởi Hội đồng thành viên.

Members of the internal audit department are appointed or dismissed by the Council of Members.

30.2 Bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của bộ phận kiểm toán nội bộ như sau:

The Internal Audit department shall perform its functions on the principle of

independence, truthfulness, objectiveness and confidentiality. The specific functions and duties of the Internal Audit Department shall comprise:

- (i) Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Hội đồng thành viên.
To independently evaluate the conformity with and observance of policies under the laws, the Charter and resolutions of the Council of Members.
- (ii) Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này.
To inspect, review and evaluate the completeness, efficiency and effectiveness of the internal control system under the Board of Management in order to perfect such system.
- (iii) Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ.
To evaluate the observance by business operations of the internal policies and processes.
- (iv) Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ.
To advise on formulation of internal policies and processes.
- (v) Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;
To evaluate the observance of the laws and to control the measures to maintain the safety of assets.
- (vi) Đánh giá kiểm soát nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh;
To evaluate the internal audit based on financial information and business activities.
- (vii) Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;
To evaluate the process on identification, evaluation and management of business risks.
- (viii) Đánh giá hiệu quả của các hoạt động.
To evaluate the efficiency of activities.
- (ix) Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng.
To evaluate the observance of contractual undertakings.

- (x) Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin.
To conduct the control of information technology system.
- (xi) Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty.
To investigate internal breaches.
- (xii) Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty và các công ty con.
To conduct the internal audit of the Company and its subsidiaries.
- (xiii) Chức năng khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành;
Other functions prescribed by the Company in accordance with applicable law.

30.3 Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm toán nội bộ:
Requirements applicable to the Internal Audit Department staff:

- (i) Không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng 05 năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm.
To not be a person who has been penalized in the form of a fine or a higher penalty for a breach in the securities, banking and insurance sector within 05 years prior to the date of appointment.
- (ii) Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao.
The head of the Internal Audit Department must be a person having professional qualifications in law, accounting or auditing; and having sufficient experience, prestige and authority to effectively perform his or her delegated duties.
- (iii) Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty.
To not be a person affiliated to the head of any professional section, any person conducting professional business activities, or the Chief Executive Officer, any Executive Vice President, or the Branch Director of the Company.

- (iv) Có chứng chỉ chuyên môn Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán, và chứng chỉ chuyên môn Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
To have a certificate in relation to basic issues on securities and securities market and a certificate in relation to the laws on securities and securities market or a securities practicing certificate.
- (v) Không làm việc trong bộ phận kế toán – tài chính của Công ty; Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.
To not working in the accounting - finance department of the Company; To not concurrently hold another position in the Company.

Điều 31. Hội đồng quản lý rủi ro trực thuộc Hội đồng thành viên

Article 31. Risk Management Committee of Council of Members

- 31.1 Hội đồng thành viên thiết lập Hội đồng quản lý rủi ro hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ quản trị rủi ro theo quy định của Luật Chứng khoán.
The Council of Members shall establish a Risk Management Committee or appoint persons to perform risk management tasks in accordance with the Law on Securities.
- 31.2 Hội đồng thành viên phải xây dựng hệ thống quản trị rủi ro theo nguyên tắc sau:
The Council of Members must must set up its risk management system according to the following principles:
 - (i) Quy định rõ trách nhiệm của Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc, Bộ phận quản trị rủi ro và các trưởng bộ phận nghiệp vụ trong Công ty để thực hiện việc quản trị rủi ro.
Clearly regulate the responsibilities of the Council of Members, the Board of Management, the Risk Management Department and the heads of the professional divisions in the Company to perform the risk management.
 - (ii) Quy định chính sách, chiến lược quản lý rủi ro rõ ràng, minh bạch; quy định các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro, mức độ rủi ro tổng thể của Công ty và từng bộ phận trong Công ty.
To regulate the policies and strategy on risk management; criteria for evaluation of risks; and overall risk levels of the Company and each Department of the Company.

- (iii) Đánh giá một cách độc lập, khách quan, trung thực thống nhất để đảm bảo công tác quản trị rủi ro được thực hiện một cách phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;
To independently, objectively, honestly and consistently evaluate the conformity with and observance of the risk [management] policies and processes established in the Company.
- (iv) Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này.
To inspect, review and evaluate the completeness, effectiveness and efficiency of the risk management system under the Board of Management in order to perfect such system.

Điều 32. Thư ký công ty

Article 32. Corporate Secretary

- 32.1 Thư ký công ty do Hội đồng thành viên bổ nhiệm, miễn nhiệm.
The corporate secretary is appointed or dismissed by the Council of Members.
- 32.2 Thư ký công ty không được làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.
The corporate secretary must not work for an competent auditing firm that is auditing the Company's financial statements.
- 32.3 Quyền và nghĩa vụ của thư ký công ty:
Corporate secretary will have the following rights and obligations:
 - (i) Hỗ trợ trong việc tổ chức họp Hội đồng thành viên theo quy định; tham dự cuộc họp Hội đồng thành viên và ghi biên bản cuộc họp.
Assist in convening the meetings of Council of Members as regulated; attend meetings of Council of Members and takes minutes of the meetings.
 - (ii) Hỗ trợ Hội đồng thành viên trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
Assists the Council of Members in performing their rights and obligations.
 - (iii) Hỗ trợ Hội đồng thành viên trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty.

Assists the Council of Members in applying and implementing the corporate governance.

- (iv) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ với thành viên và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của thành viên; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.
Assist the company in development of relationship with members, protection of lawful rights and interests of members; fulfillment of the obligation to provide and disclose information and administrative procedures.
- (v) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; không được cung cấp cho bất kỳ bên thứ ba nào hoặc sử dụng cho chính mình bất kỳ thông tin nào có được trong quá trình làm việc tại Công ty hoặc tham gia các cuộc họp để gây bất lợi, thiệt hại cho Công ty.
Confidentiality of information in accordance with the provisions of law and the Company's charter; not provide any information obtained during working at the Company to any third party or use such information for myself; or participating in meetings to the detriment or damage of the Company.
- (vi) Các trách nhiệm khác theo yêu cầu của Hội đồng thành viên.
Other rights and obligations required by the Council of Members.

Mục 2 – BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Section 2 – BOARD OF MANAGEMENT

Điều 33. Thành phần, nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Tổng Giám đốc

Article 33. Composition, rights and obligations of the Board of Management

- 33.1 Thành phần Ban Tổng Giám đốc gồm có: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc (nếu có).
The composition of the Company's Board of Management shall comprise the Chief Executive Officer and the Executive Vice President.
- 33.2 Thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng thành viên bổ nhiệm hoặc thuê. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
The members of the Board of Management shall be employed or appointed by the Council of Members with the term not exceeding five (05) years and may be re-appointed for an unlimited number of terms.

- 33.3 Ban Tổng Giám đốc phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro bao gồm các quy trình, bộ máy, nhân sự nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của công ty nhằm bảo đảm mục tiêu theo quy định của pháp luật.
The Board of Management must establish and maintain a risk management system to ensure the prevention of risks which are likely to affect the interests of the Company and its clients; establish and maintain an internal control system comprising the organizational structure and independent and full-time staff. The internal processes and regulations apply to all positions, units, sections and activities of the Company to ensure the objectives in accordance with the law.
- 33.4 Ban Tổng Giám đốc phải xây dựng các quy định làm việc để Hội đồng thành viên thông qua, quy định làm việc tối thiểu phải có các nội dung cơ bản sau đây:
The Board of Management shall formulate working regulations for the Council of Members to approve, such working regulations shall contain at least the following basic contents:
- (i) Trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của thành viên Ban Tổng Giám đốc.
Specific responsibilities and duties of each member of the Board of Management.
 - (ii) Quy định trình tự, thủ tục tổ chức và tham gia các cuộc họp.
Regulations on order and procedures for organization of and participation in meetings.
 - (iii) Trách nhiệm báo cáo của Ban Tổng Giám đốc đối với Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát.
Responsibility of the Board of Management for reporting to the Council of Members, the Chairman of the Council of Members or the Board of Controllers.
- 33.5 Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc
Rights and obligations of Chief Executive Officer
- Tổng Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng thành viên, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc có các quyền và trách nhiệm cụ thể như sau:
The Chief Executive Officer shall manage the Company's day-to-day business operations, subject to the supervision by the Council of Members and shall be

responsible to the Council of Members and the law for the performance of his or her delegated rights and obligations. Rights and obligations of the Chief Executive Officer are specified as follows:

- (i) *Tổ chức thực hiện quyết định của Hội đồng thành viên.
To organize the implementation of resolutions of the Council of Members.*
- (ii) *Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng thành viên.
To make decisions on all issues relating to the Company's day-to-day business operations.*
- (iii) *Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty.
To organize the implementation of business plans and investment plans of the Company.*
- (iv) *Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức Công ty, kiến nghị và ký ban hành chính sách, quy chế hoạt động, quy trình, quy định nội bộ Công ty;
To make recommendation on the organization structure, to make decisions on signing for the internal management regulations issuance of the Company.*
- (v) *Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh trong Công ty, trừ các chức danh phải được Hội đồng thành viên phê duyệt được quy định tại Điều 24.6 Điều lệ này.
To appoint, remove and dismiss managerial positions in the Company, except for those falling within the authority of the Council of Members as specified in the Article 24.6 of this Charter.*
- (vi) *Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty theo ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật, trừ trường hợp các hợp đồng thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên.
To sign contracts in the name of the company according to the authorization of Legal Representative, except cases falling within the competence of the Council of Members.*
- (vii) *Trình báo cáo tài chính hàng năm lên Hội đồng thành viên;
To submit annual financial statements to the Council of Members.*
- (viii) *Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
To make recommendations on plans for distribution of dividend or dealing with business losses.*

- (ix) Tuyển dụng lao động thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại các văn bản nội bộ có liên quan.
To recruit employees under the authority of the Chief Executive Officer according to the provisions of relevant internal documents.
- (x) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty và các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám Đốc.
To make decisions on salary and other benefits for employees of the Company, including managerial positions falling within the appointment authority of the Chief Executive Officer.
- (xi) Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại hợp đồng lao động mà Tổng Giám đốc ký với Công ty theo quyết định của Hội đồng thành viên.
Other rights and obligations provided in the labor contract entered into with the company in accordance with the resolution of the Council of Members.
- (xii) Các trách nhiệm khác được phân công bởi Hội đồng thành viên phù hợp với quy định của pháp luật.
Other duties assigned by the Council of Members and in accordance with laws.

Điều 34. Quyền lợi và trách nhiệm của thành viên Ban Tổng Giám đốc

Article 34. Interests and responsibilities of the members of Board of Management

34.1 Trách nhiệm của thành viên Ban Tổng Giám đốc

Interests of the members of the Board of Management

- (i) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Hội đồng thành viên.
To perform the roles and responsibilities as assigned by Council of Members and in Company's Charter and in accordance with the laws.
- (ii) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và thành viên.
To perform his/her rights and obligations in an honest and prudent manner to protect the lawful interests of the Company and the Council of Members.

- (iii) Trung thành với lợi ích của Công ty và thành viên của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
Be loyal to the Company's interests; not abuse his/her power and position or use the Company's information, secrets, business opportunities and assets for personal gain or serve any other organization's or individual's interests.
- (iv) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà mình và người có liên quan của mình làm chủ, cùng sở hữu hoặc hoặc sở hữu riêng cổ phần; phần vốn góp chi phối.
Promptly and fully provide the Company with information about the enterprises in which he/she or his/her related person own, jointly own or separately own the controlling shares/contributed capital.
- (a) Thông báo phải bao gồm các nội dung sau: Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó; Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
The declaration must include the following information: Name, business code, address of the head office, business line of the enterprise in which they own the shares or contributed capital; the rate and time of ownership of such shares or capital; Name, business code, address of the head office, business line of the company in which their related persons jointly own or own more than 10% of the Charter Capital.
- (b) Trên phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
The declaration as prescribed above must be provided in writing within 07 working days after the arising of relevant interests; The amendment and supplementation must be notified to the Company within 07 working days as from the date of amendment and supplement.
- (v) Không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

Are not allowed to increase salaries or get paid bonuses when the Company does not fully pay due debts.

- (vi) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
Other responsibilities in accordance with laws and this Charter.

34.2 Quyền lợi của thành viên Ban Tổng Giám đốc:

- (i) Thành viên Ban Tổng Giám đốc được quyền nhận thù lao, tiền lương, thưởng theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương của thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng thành viên quyết định.
The members of the Board of Management shall be entitled to salary based on the business results and efficiency.
- (ii) Thù lao và tiền lương của thành viên Ban Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
The salary of the Board of Management members shall be included in the business expenses of the Company in accordance with the law and presented as a separate item in the annual financial statements of the Company.

Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc

Article 35. Criteria and conditions to be the Chief Executive Officer

- 35.1 Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành hình phạt tù hoặc bị tòa án cấm hành nghề kinh doanh theo quy định pháp luật; không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
To have full capacity for civil acts; not facing criminal prosecution, subject to imprisonment, or banned by the court from doing business in accordance with the law; and not fall within the category of persons prohibited from managing enterprises pursuant to the Law on Enterprises.
- 35.2 Có ít nhất 02 năm kinh nghiệm làm việc tại các bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong doanh nghiệp khác và có kinh nghiệm quản lý điều hành tối thiểu 02 năm.
Have at least 02 years' experience of working in specialized departments of finance, securities, banking, insurance organizations or in finance, accounting, investment departments of other organizations; and have at least 2 years of

management experience.

- 35.3 Không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác; không được làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên cho công ty chứng khoán khác.
To not concurrently be the member of the Board of Directors or the Council of Members of another securities company in Vietnam; not concurrently work for another enterprise at the executive position.
- 35.4 Có Chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ.
Have the practising certificate for financial analysis or asset management.
- 35.5 Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn 06 tháng gần nhất.
Not incur any administrative penalties for securities-related offences in the last 06 months prior to the application date.
- 35.6 Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
Other criteria in accordance with laws and this Charter.

Điều 36 Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

Article 36. Removal and dismissal of the Chief Executive Officer

Tổng Giám đốc Công ty bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
The Chief Executive Officer shall be removed or dismissed in the following cases:

- 36.1 Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 35 Điều lệ này.
The criteria and conditions to be a Chief Executive Officer are no longer satisfied as stipulated in Article 35 herein.
- 36.2 Có đơn xin từ chức và được chấp thuận.
There is a resignation letter of the Chief Executive Officer and be approved by the Council of Members.
- 36.3 Theo quyết định của Hội đồng thành viên.
According to resolution or decision of the Council of Members.

Điều 37. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro thuộc Ban Tổng Giám đốc

Article 37. Internal Control Department and Risk Management Department under the Board of Management

37.1 Bộ phận Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung sau:
The Internal Control Department shall have the duties to control the compliance of the followings:

- (i) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Hội đồng thành viên, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty.
To supervise the compliance with the laws, the Company's Charter, decision of Council of Members, decision of the Board of Management, professional regulations and procedures, corporate risk management procedures by the Company, relevant divisions and securities practitioners in the Company.
- (ii) Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền.
To supervise the implementation of the internal regulations, activities having potential conflict of interest within the Company, especially the business activities of the Company itself and personal transactions of employees of the Company; and supervise the performance of responsibilities by officials and employees of the Company and the performance of responsibilities by partners in respect of delegated activities.
- (iii) Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp.
To check the content and supervise the implementation of the rules on professional ethics.
- (iv) Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính.
To supervise the calculation and compliance with the regulations on financial prudential ratios.

- (v) Tách biệt tài sản của khách hàng.
To maintain the separation of assets of clients.
- (vi) Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng.
To preserve and store assets of clients.
- (vii) Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
To control the compliance with provisions of the laws on anti-money laundering.
- (viii) Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.
Performing other duties assigned by the Chief Executive Officer.

37.2 Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:
Requirements applicable to staff of the Internal Control Department

- (i) Bố trí tối thiểu 01 nhân viên làm kiểm soát tuân thủ.
Assign at least 01 staff member to perform the tasks of control and supervision of compliance matters.
- (ii) Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật hoặc kế toán hoặc kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao.
The head of the Internal Control Department must be a person having professional qualifications in law, accounting or auditing; and having sufficient experience, prestige and authority to effectively perform his or her delegated duties.
- (iii) Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh của Công ty.
Not be a person affiliated to the head of any professional section, any person conducting professional business activities, the Chief Executive Officer, any Executive Vice President, or the Branch Director the Company.
- (iv) Có Chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
Have a securities practicing certificate or a certificate on basic issues regarding securities and the securities market, and a certificate in relation to the laws on securities and securities markets.

- (v) Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.
Not concurrently hold another position in the Company.

37.3 Nhiệm vụ của hệ thống thực thi quản trị rủi ro:
Duties of the Risk Management Department:

- (i) Xác định chính sách thực thi và mức độ chấp nhận rủi ro của Công ty.
To determine the risk management policies and risk-exposure level of the Company.
- (ii) Xác định rủi ro của Công ty.
To identify risks of the Company.
- (iii) Đo lường rủi ro.
To measure risks.
- (iv) Giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý rủi ro.
To supervise, prevent, discover and handle the risks.

Mục 3 – BAN KIỂM SOÁT
Section 3 – BOARD OF CONTROLLERS

Điều 38. Số lượng thành viên, thành phần và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát

Article 38. Number, term of office and composition of the Board of Controllers members

- 38.1 Thành viên Ban Kiểm soát do Hội đồng thành viên bầu chọn. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng thành viên về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.
Members of the Board of Controllers shall be elected by the Council of Members. The controller shall be held liable to the laws and the Council of Members for the performance of their rights and obligations.
- 38.2 Ban Kiểm soát của Công ty có từ 03 đến 05 thành viên.
The Board of Controllers shall have 03 to 05 members.
- 38.3 Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

The controller shall have the term of office of 05 years and may be re-appointed for an unlimited number of terms of office. In case the term of office of controllers expires at the same time but the controllers of new term of office have not been elected, the controllers of the term which has expired shall continue to exercise its rights and perform its duties until the controllers of new term of office are elected and take over the duties.

- 38.4 Thành viên Ban Kiểm soát do Hội đồng thành viên bầu chọn theo nguyên tắc bỏ phiếu tại cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc lấy ý kiến bằng văn bản trong trường hợp không tổ chức cuộc họp Hội đồng thành viên. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số.
Members of the Board of Controllers shall be elected by the Council of Members by way of voting at the meeting of the Council of Members or, in case failure to organize such meeting of the Council of Members by collecting written opinion. The members shall elect by majority voting one (01) of them to hold the position of the head of the Board of Controllers.
- 38.5 Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.
More than half of the Board of Controllers members must reside permanently in Vietnam. The Head of the Board of Controllers must be a professional accountant or auditor and must work full-time in the Company.
- 38.6 Nội dung và cách thức phối hợp hoạt động của các Kiểm soát viên.
Details and manners of controllers' collaboration.
- (i) Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm phân công công việc cho các thành viên Ban kiểm soát theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát; giám sát, chỉ đạo và điều phối các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công.
The Head of the Board of Controllers have the right to assign tasks to members of Board of Controllers according to their functions and tasks. Supervise, direct and coordinate members in performing their assigned tasks.
- (ii) Ủy quyền cho một trong số các thành viên Ban kiểm soát thực hiện quyền và nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát trong thời gian vắng mặt.
To authorize a member of the Board of Controllers to exercise his/her rights and obligations of the Head of the Board of Controllers during his/her absence.

- (iii) Đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác liên quan đến các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét và đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát có đủ thời gian trước và trong các cuộc họp của Ban kiểm soát để thảo luận các vấn đề trong chương trình họp.
To ensure the members of the Board of Controllers be fully provided with sufficient, objective and accurate information related to issues that the Board of Controllers shall consider and had sufficient time before and during the meeting of the Board of Controllers to discuss these issues.
- (iv) Các thành viên Ban kiểm soát (i) có trách nhiệm báo cáo trung thực, cẩn trọng và kịp thời cho Trưởng Ban kiểm soát khi thực hiện các công việc được phân công; (ii) có quyền yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập họp Ban kiểm soát bất thường theo các quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.
The members of the Board of Controllers (i) shall be responsible to report honestly, cautiously and promptly to the Head of the Board of Controllers when performing the assigned tasks; (ii) have the right to request the Head of the Board to convene an extraordinary meeting of the Board of Controllers in accordance with the provisions of the Company's Charter and the relevant laws.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Article 39. Rights and obligations of the Board of Controllers

39.1 Thẩm quyền của Ban Kiểm soát:

Authority of the Board of Controllers:

- (i) Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
To supervise the Chairman of Council of Members, the Chief Executive Officer with respect to the corporate governance and administration.
- (ii) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
To inspect the reasonableness, legality, truthfulness and prudence in management and administration of business activities; the organization, consistency and conformity of the statistics and accounting work and preparation of financial statements.

- (iii) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Tổng Giám đốc và trình báo cáo thẩm định lên cuộc họp Hội đồng thành viên thường niên.
To evaluate the sufficiency, legality and truthfulness of business reports, semi-annual and annual financial statements, and reports on evaluation of management of the Chief Executive Officer; and to submit review reports to the Council of Members at its annual meeting.
- (iv) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
To review, inspect and evaluate the effectiveness and efficiency of the systems of internal control, internal audit, risk management and early warning of the Company.
- (v) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Hội đồng thành viên hoặc theo yêu cầu của thành viên hoặc nhóm thành viên quy định tại Điều 19.2 của Điều lệ này.
To review accounting books, records and other documents of the Company, the corporate governance and administration of the Company's operations when it deems necessary or according to a resolution of the Council of Members or as requested by a member or group of members as stipulated in Article 19.2 of this Charter.
- (vi) Khi có yêu cầu của thành viên hoặc nhóm thành viên quy định tại Điều 19.2, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng thành viên và thành viên hoặc nhóm thành viên có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Ban Tổng Giám đốc và không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
Upon request by a member or group of members as stipulated in Article 19.2 herein, the Board of Controllars must conduct the inspection within seven (07) working days from the date of receipt of the request. Within fifteen (15) days from the date of completion of the inspection, the Board of Controllars must submit a report on explanation of the issues required to be inspected to the Council of Members and the requesting member or group of members. The inspections by the Board of Controllars stipulated in this Clause must not disrupt the ordinary activities of the Board of

Management and shall not interrupt the administration of business operations initiated by the Company.

- (vii) Kiến nghị Hội đồng thành viên các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
To make recommendations on changes, supplements and improvements of the organizational structure, supervision and administration of the business operations of the Company to the Council of Members.
- (viii) Khi phát hiện có thành viên Ban Tổng giám đốc, hoặc người quản lý khác vi phạm trách nhiệm của người quản lý Công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng thành viên và yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm đồng thời có giải pháp khắc phục hậu quả.
Upon discovery of a member of the Board of Management, or other managers breaching responsibilities of the Company's Managers as provided in the Law on Enterprises and the Company's Charter, to immediately notify the Council of Members of such breach in writing, and request the person in breach to cease the breach and take measures to remedy any consequences.
- (ix) Trường hợp phát hiện thành viên Ban Tổng giám đốc, hoặc người quản lý khác vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, thành viên hoặc khách hàng thì Ban Kiểm soát có trách nhiệm yêu cầu người có hành vi vi phạm giải trình trong thời hạn nhất định hoặc đề nghị triệu tập Hội đồng thành viên để giải quyết. Đối với các vi phạm pháp luật, Ban Kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản cho UBCK trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm.
Upon discovery of a member of the Board of Management or other managers of the Company breaching the law or the Company's Charter, resulting in a violation of rights and interests of the Company, members or clients, the Board of Controllers is responsible for requesting the member in breach to make explanation within certain period or suggesting the convention of the meeting of Council of Members to deal with such breach. With respect to breach of laws, the Board of Controllers must report such breach in writing to the SSC within seven (07) working days from the date of discovery of the breach.
- (x) Xây dựng quy trình kiểm soát để Hội đồng thành viên thông qua.
To formulate the control process for the Council of Members to approve.

- (xi) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng thành viên.
To perform other rights and duties as stipulated in the Law on Enterprises, the Company's Charter and resolutions of the Council of Members.

39.2 Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
During the performance of its duties, the Board of Controllers shall have the following rights and responsibilities:

- (i) Quyền của Ban Kiểm soát:
Rights of the Board of Controllers:
- (a) Sử dụng tư vấn độc lập, kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
To use independent consultant and the Internal Auditors of the Company to perform the assigned duties.
- (b) Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc và các cuộc họp khác của Công ty.
To participate in and discuss at the meetings of the Council of Members, the Board of Management and other meetings of the Company.
- (c) Có thể tham khảo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Hội đồng thành viên.
To consult with the Board of Management prior to submission of reports, conclusions and recommendations to the Council of Members.
- (d) Được cung cấp thông tin đầy đủ:
To be fully provided with information:
- o Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng thành viên và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng thành viên.
The invitation notices to a meeting, written opinion form to obtain opinion from the Council of Members and enclosed documents must be sent to the Board of Controllers at the same time and in the same manner as to the Council of Members.
 - o Các nghị quyết và biên bản họp của Hội đồng thành viên phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng thành viên.
The resolutions and meeting minutes of the Council of Members must be sent to the the controllers at the same time and in the same manner as to the Council of Members.

- o Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng thành viên hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng thành viên.

Reports of the Chief Executive Officer for submission to the Council of Members or other documents issued by the Company must be sent to the controllers at the same time and in the same manner as to the members of the Council of Members.

- o Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

The controllers have the right to access files and documents of the Company kept at the head office, branches and other locations; and has the right to access locations where managers and employees of the Company work during working time.

- o Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban Kiểm soát.

The Council of Members, its [The Council of Members] members, the Chief Executive Officer and other managers must provide in full, accurately and in a promptly manner information and documents relating to the management, administration and business operations of the Company upon request of the Controller or the Board of Controllers.

- (e) Được nhận tiền lương hoặc thù lao và hưởng các quyền lợi khác.
To receive salary, remuneration and other interests.

(ii) Trách nhiệm của Ban Kiểm soát:

Responsibilities of the Board of Controllers:

- (a) Tuân thủ pháp luật, điều lệ Công ty, quyết định của Hội đồng thành viên và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

To comply with the law, the Company's Charter, resolutions of the Council of Members and professional ethics in exercise of his or her delegated rights and duties.

- (b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

To exercise delegated rights and perform delegated duties honestly, prudently and to the best of their ability in the optimum lawful interest of the Company.

- (c) Trung thành với lợi ích của Công ty và thành viên; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản của Công ty, địa vị, chức vụ của mình để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích cho tổ chức, cá nhân khác.
- (d) *To be loyal to the interests of the Company and members; not to use information, secrets, business opportunities and assets of the Company, or to abuse his or her position and powers for personal benefit or for the benefit of other organizations or individuals.*
- (e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
Other obligations provided by the laws and this Charter.

- 39.3 Trường hợp Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này, dẫn đến gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Where the Controller breaches the obligations stipulated in Clause 2(b) of this Article, thereby causing loss and damage to the Company or to other persons, the Controller shall be jointly or personally liable for compensating for such loss and damages.

- 39.4 Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong khi thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng thành viên phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu Kiểm soát viên có hành vi vi phạm phải chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Upon discovery of the Controller's breach during exercise of delegated rights and duties, the Board of Controllers must be notified in writing by the Council of Members about such breach, and the Controller involving the breach is requested to cease the breach and take measures to remedy any consequences.

Điều 40. Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát

Article 40. Method of operation and meetings of the Board of Controllers

- 40.1 Ban Kiểm soát phải ban hành các quy định về cách thức hoạt động và trình tự, thủ tục, cách thức tổ chức cuộc họp của Ban Kiểm soát để Hội đồng thành viên thông qua.

The Board of Controllers shall issue regulations on operation manner and order, procedures and manner to organize meetings of the Board of Controllers which shall be approved by the Council of Members.

- 40.2 Mỗi năm Ban Kiểm soát phải tổ chức họp tối thiểu 04 lần.

The Board of Controllers shall hold at least 04 meetings each year.

40.3 Cuộc họp của Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 tổng số thành viên tham dự.

A meeting of the Board of Controllers shall be held when two third (2/3) or more of the total number of members attend.

Điều 41. Tiêu chuẩn và Điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát

Article 41. Criteria and conditions to be the Controller

41.1 Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

To have full civil act capacity, and not be prohibited to establish and manage enterprises pursuant to the Law on Enterprises.

41.2 Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty.

To not hold managerial positions in the Company.

41.3 Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.

To not be the spouse, natural father, adoptive father, natural mother, adoptive mother, child, adopted child or sibling of any member of the Council of Members, the Chief Executive Officer and other managers.

41.4 Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là thành viên hoặc người lao động của công ty.

To not be the Company's managers; not must be a member or Company's employee.

41.5 Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác ở Việt Nam.

The Head of the Board of Controllers must not concurrently be a member of the Board of Controllers or a manager of another securities company in Vietnam.

41.6 Có trình độ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán; được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc tài chính, ngân hàng.

To have professional qualifications on securities and securities market; and his/her major is economics, finance, accounting, audit, law, business administration or banking, finance.

Điều 42. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Article 42. Removal and dismissal of the Board of Controllers members

42.1 Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

The Controller shall be removed in the following circumstances:

- (i) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 41 Điều lệ này.
Failure to satisfy the criteria and conditions to be a Controller as stipulated in Article 41 herein.
- (ii) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
Failure to exercise his or her rights and perform his or her obligations for a consecutive period of six (06) months, except for force majeure cases.
- (iii) Có đơn từ chức và được chấp thuận.
There is a resignation letter [of the Controller] which is approved.

42.2 Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

The Controller shall be dismissed in the following circumstances:

- (i) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.
Failure to fulfill his or her assigned duties or works.
- (ii) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
Committing a material breach or a number of breaches of the Inspector's obligations as stipulated in the Law on Enterprises and the Company's Charter.
- (iii) Theo quyết định của Hội đồng thành viên.
According to resolution of the Council of Members.

Chương IV – XỬ LÝ MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN
Chapter IV – DEALING WITH RELATIONS WITH RELEVANT PARTNERS

Điều 43. Các tranh chấp có thể xảy ra

Article 43. Potential disputes

43.1 Các trường hợp được xem là tranh chấp giữa Công ty với các đối tác liên quan khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại giữa:

The cases that are considered as disputes between the Company and related partners when a dispute or complaint arises between:

- (i) Thành viên với Công ty.
A member and the Company.
- (ii) Thành viên với Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hoặc người quản lý Công ty.
A member of the Council of Members and the Chairman of the Council of Members or member of the Board of Controllers of the Board of Controllers or Chief Executive Officer or the Company's Managers.
- (iii) Khách hàng hoặc các đối tác khác liên quan với Công ty.
A client or other relevant partners and the Company.

43.2 Nội dung của tranh chấp cần giải quyết: các tranh chấp có liên quan tới hoạt động của Công ty, tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hoặc từ bất cứ quyền và nghĩa vụ nào do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định.
Contents of a dispute to be resolved: Disputes relating to the operations of the Company, rights of members arising from the Charter or any right or obligation stipulated in the Law on Enterprises or other laws or administrative regulations

Điều 44. Cách xử lý, giải quyết tranh chấp

Article 44. Dispute settlement method

- 44.1 Thương lượng và hòa giải: Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hoà giải. Chủ tịch Hội đồng thành viên sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp, trừ khi tranh chấp có liên quan tới Chủ tịch Hội đồng thành viên. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Chủ tịch Hội đồng thành, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu, chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
Negotiation and settlement: The concerned parties shall try to resolve the dispute through negotiation and settlement. The Chairman of the Council of Members shall preside over the dispute settlement, except for those relating to the Chairman of the Council of Members. Where a dispute relates to the Chairman of the Council of Members, either party may request or appoint an independent expert to act as arbitrator for the dispute settlement.
- 44.2 Đưa ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế: Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

*Reference of a dispute to economic arbitration or economic court [for resolution]:
In the case of failure to reach a settlement decision within six (06) weeks from the commencement of settlement process or the decision of the mediator unacceptable to the parties, either party may refer such dispute to an economic arbitration or an economic court [for resolution].*

44.3 Chi phí thương lượng, hòa giải và chi phí của Tòa án:
Expenses for negotiation and settlement and court fees:

- (i) Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải.
The parties shall bear their own expenses related to the negotiation and settlement procedures.
- (ii) Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.
The court fees shall be determined by the court to be incurred by which party.

Điều 45. Các hợp đồng, giao dịch phải được chấp thuận

Article 45. Contracts and transactions subject to approval

45.1 Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Hội đồng thành viên chấp thuận:
Contracts and transactions between the Company and the following persons must be approved by the Council of Members:

- (i) Thành viên, người đại diện theo ủy quyền của thành viên, Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty và người có liên quan của những đối tượng này.
A member, or authorized representative of a member, the Chief Executive Officer, the legal representative of the Company, and their related persons.
- (ii) Người quản lý công ty mẹ, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ và người có liên quan của những đối tượng này.
Managers of the parent company, persons authorized to appoint managers of the parent company, and their related persons.

45.2 Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải gửi dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch dự định tiến hành đến các thành viên Hội đồng thành viên. Hội đồng thành viên phải quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Trong

trường hợp này, giao dịch được chấp thuận nếu có số thành viên dự họp đại diện ít nhất 67% vốn Điều lệ và có sự đồng ý của số thành viên đại diện ít nhất 75% tổng số vốn có quyền biểu quyết tham gia dự họp. Tỷ lệ dự họp và biểu quyết nêu trên không thay đổi dù là cuộc họp được triệu tập lần thứ hai hay thứ ba.

The Legal Representative must send the draft of contract or notify the essential contents of the expected transaction to be executed to members of the Council of Members. The Members of Council shall make decisions on approval of contracts or transactions in 20 day(s) upon notice receipt. In this event, contracts or transactions shall be approved when it is attended by a number of members that hold at least 67% of Charter Capital and it is voted for by a number of representing members at least 75% of voting capital of the attending member. The percentage of attendance and voting mentioned above shall not change regardless of the second or the third meeting of Council of Members.

45.3 Các đối tượng có liên quan trong các hợp đồng, giao dịch không được biểu quyết.

The related persons of such contracts and transactions cannot vote.

45.4 Các hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được sự chấp thuận theo quy định tại Điều lệ này, các quy định pháp luật liên quan và gây thiệt hại cho Công ty, Người ký kết hợp đồng, giao dịch, thành viên có liên quan và người có liên quan của thành viên đó phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch được ký kết không đúng theo quy định hoặc gây thiệt hại cho Công ty.

Contracts and transactions which become invalidated and handled according to the laws that be performed without approval in accordance with this Charter and cause damages to the Company, the person who signs contracts, transaction or members involved and their related persons shall make restitution for damage caused and return to the Company their earnings from such contracts or transactions, which were dealt against regulations or undermined the Company.

Điều 46. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

Article 46. Reporting regime and information disclosure

46.1 Nghĩa vụ công bố thông tin:

Obligation to disclose information:

- (i) Công ty phải thực hiện chế độ công bố thông tin, báo cáo định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền một cách đầy đủ, kịp thời. Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực

của các thông tin, số liệu công bố, báo cáo.

The Company shall implement the regime on disclosure of information and periodical and extraordinary report in a complete and timely manner in accordance with the Laws on Securities or upon request of the competent State authorities. The Company shall be responsible for the accuracy and truthfulness of the disclosed or reported information and data.

- (ii) Việc công bố thông tin được thực hiện theo những cách thức nhằm đảm bảo cho thành viên và nhà đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng tại cùng một thời điểm. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu, tránh gây nhầm lẫn cho thành viên và nhà đầu tư.

The information disclosure shall be conducted in accordance with methods ensuring that members and the public investors may equally access [information] at the same time. The disclosure language should be clear, understandable and plain in order to avoid any misunderstanding by members and the public investors.

46.2 Nội dung công bố thông tin:

Contents of disclosed information

- (i) Công ty thực hiện công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

The Company shall disclose information relating to its business operations, comprising:

- (a) Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và báo cáo khác theo quy định của pháp luật.

Periodical disclosure of information on annual financial statements, reports on financial prudential ratios and other reports in accordance with the laws.

- (b) Công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra hoặc phát hiện sự kiện theo luật định.

Ad-hoc disclosure of information within 24 hours from the occurrence or discovery of an event as stipulated by law.

- (c) Công bố thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

Disclosure of information upon request of the competent administrative authorities.

- (ii) Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị của Công ty trong các

kỳ họp Hội đồng thành viên trong báo cáo thường niên của Công ty.
The Company shall disclose information on corporate governance at meetings of the Council of Members or in the Company's annual reports.

- 46.3 Tổ chức công bố thông tin: Công ty thực hiện xây dựng và ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Đồng thời, bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin đáp ứng yêu cầu sau:

Disclosure organization: The Company shall formulate and issue regulations on information disclosure in accordance with the Law on Securities and its guidance and, at the same time, appoint at least one full-time official in charge of disclosure of information who satisfies the following requirements:

- (i) Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học.
To have knowledge of accounting or finance, and certain skills on information technology.
- (ii) Công khai tên, số điện thoại làm việc để các thành viên có thể dễ dàng liên hệ.
To publish his or her name and telephone number for easy contact by members.
- (iii) Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, định kỳ công bố, giải đáp, trả lời những ý kiến của thành viên và các vấn đề quản trị Công ty theo quy định.
To have sufficient time to perform his or her responsibilities, especially to contact with members, to record their comments and to periodically announce, answer and respond to such comments and issues relating to corporate governance as stipulated.

- 46.4 Người công bố thông tin: Việc công bố thông tin phải do Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do Người được ủy quyền công bố.

Disclosing person: The disclosure shall be made by the Company's legal representative or the person who is authorized to disclose information. The Company's legal representative shall be responsible for the contents of information disclosed by the authorized person.

Chương V – QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN **Chapter V – FINANCIAL MANAGEMENT AND ACCOUNTING**

Điều 47. Năm tài chính

Article 47. Fiscal year

- 47.1 Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.
The Company's fiscal year starts on 1 January and ends on 31 December each year.
- 47.2 Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp năm tài chính đầu tiên của Công ty ít hơn bốn (04) tháng, Báo cáo tài chính của năm đó được kiểm toán gộp với Báo cáo của năm tài chính tiếp theo.
The first fiscal year of the Company starts on establishment date and ends on 31 December of that year. Where the first fiscal year is less than four (04) months, the financial statements for such year shall be audited together with the [financial] statements for the next fiscal year.

Điều 48. Hệ thống kế toán

Article 48. Accounting system

- 48.1 Công ty sử dụng Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán được Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán dành cho công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công ty phải chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán - thống kê.
The Company shall use the Vietnamese Accounting System (VAS) or an accounting system approved by the Ministry of Finance and shall comply with accounting regimes applicable to securities companies issued by the Ministry of Finance and accompanied guiding documents. The Company shall be subject to the inspection of State authorities regarding implementation of the accounting and statistic regimes.
- 48.2 Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
The Company must prepare accounting books in Vietnamese and archive accounting books and records, corresponding to the Company's business form. The accounting books and records must be correct, updated, systematic and comprehensive to prove and explain the transactions conducted by the Company.

Điều 49. Kiểm toán

Article 49. Auditing

- 49.1 Báo cáo tài chính năm, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 của Công ty phải được một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, soát xét theo đúng quy định.

The Company's annual financial statements and reports on financial prudential ratios as at 31 December, semi-annual financial statements and reports on financial prudential ratios as at 30 June must be audited and reviewed by an independent auditor as prescribed.

- 49.2 Tổ chức kiểm toán độc lập và các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được UBCK chấp thuận. Hội đồng thành viên thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Tổng Giám đốc quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thảo thuận với Hội đồng thành viên. Trong cùng năm tài chính, công ty chứng khoán không được thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, trừ trường hợp công ty mẹ thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc tổ chức kiểm toán được chấp thuận bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.

The independent auditor and its staff conducting an audit for the Company must be approved by the SSC. The annual meeting of the Council of Members shall appoint an independent auditor, or approve the list of independent auditors and authorize the Chief Executive Officers to make decision on selecting one of such auditors to conduct activities to audit the Company for the next fiscal year based on the terms and conditions as discussed with the Council of Members. In the same fiscal year, the Company is not allowed to change the approved auditors, unless its parent company changes the approved auditors or the approved auditors are suspended or disqualified as the approved auditors.

- 49.3 Sau khi kết thúc năm tài chính, Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng thành viên trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

After the end of a fiscal year, the Company shall prepare and send annual financial statements to the independent auditor. The independent auditor shall review, certify and report that the annual financial statements reflect the income and expenditure of the Company, prepare an audit report and submit such report to the Council of Members within 90 days from the end of the fiscal year.

- 49.4 Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
Copy of audit report must be enclosed with the annual financial statements of the Company.
- 49.5 Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Hội đồng thành viên và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Hội đồng thành viên mà các thành viên được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp Hội đồng thành viên về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.
The auditor conducting the audit for the Company shall be permitted to attend all meetings of the Council of Members and receive notices and other information relating the Council of Members that the members are entitled to receive and to express its opinion on audit-related issues at the meeting of the Council of Members.

Điều 50. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận

Article 50. Principles for profit distribution

- 50.1 Hội đồng thành viên quyết định mức chi trả lợi nhuận, thưởng và hình thức chi trả hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
The Council of Members shall make decision on the annual rate of dividends, bonuses and payment forms from the Company's retained earnings.
- 50.2 Công ty chỉ được chia lợi nhuận cho các thành viên khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận.
A company's profit may only be distributed to its members after its tax liabilities and other financial obligations have been fulfilled as prescribed by law and it is able to fully pay its due debts and other liabilities after profit is distributed.
- 50.3 Trường hợp lợi nhuận, thưởng hay những khoản tiền khác liên quan tới phần vốn góp được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở thành viên cung cấp.
Where the dividends, bonuses or other relevant amounts are paid in cash, the Company must pay in Vietnam Dong (VND). The payments may be made directly or through the banks based on information provided by the members.

50.4 Hội đồng thành viên quyết định ngày chốt danh sách thành viên và ngày phân chia lợi nhuận, chia thưởng.

The Council of Members shall make decision on the specific date of closing the list of members and payment date of dividends or bonuses.

Điều 51. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Article 51. Handling the operating losses

Lỗ năm trước sẽ được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công ty kinh doanh có lãi.

Losses of the previous year shall be handled in the subsequent year if the Company generates profit from its business in such subsequent year.

Điều 52. Trích lập các quỹ theo quy định

Article 52. Provision for required funds

Hàng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ theo quy định của pháp luật.

Every year, the Company shall set aside an amount from the after-tax profits for establishing the funds as stipulated by the laws.

Chương VI – TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY
Chapter VI – REORGANIZATION, DISSOLUTION AND BANKRUPTCY

Điều 53. Tổ chức lại Công ty

Article 53. Reorganization

53.1 Công ty thực hiện hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi sau khi được sự chấp thuận của UBCK.

The Company shall implement the consolidation, merger or conversion after approval is obtained from the SSC.

53.2 Trình tự, thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và pháp luật liên quan.

The order and procedures for consolidation, merger or conversion shall be complied with the Law on Enterprises, the Law on Securities and relevant laws.

Điều 54. Giải thể

Article 54. Dissolution

- 54.1 Công ty giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:
The Company shall be dissolved or terminated in the following circumstances:
- (i) Hội đồng thành viên quyết định giải thể Công ty trước thời hạn. Trường hợp Công ty giải thể trước thời hạn hoạt động phải được UBCK chấp thuận.
The Company's Establishment and Operation License is revoked by the SSC or the Company is declared to be bankrupted by a court.
 - (ii) UBCK thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bị Tòa án tuyên bố giải thể.
The SSC revokes the License for establishment and operation or is declared dissolved by the Court.
 - (iii) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
Other cases as stipulated by the laws.
- 54.2 Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công ty không đang trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài.
The Company shall only be dissolved when full payment of debts and other property obligations is assured and the Company is not subject to dispute settlement at a court or arbitration.
- 54.3 Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.
The dissolution order, procedures and application dossier shall be complied with the Law on Enterprises, the Law on Securities and its guidance.
- 54.4 Sau khi có quyết định giải thể, Hội đồng thành viên thành lập Ban thanh lý để giải quyết số tài sản của Công ty tại thời điểm giải thể. Mọi vấn đề phát sinh trong quá trình giải thể do Ban thanh lý giải quyết và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Hội đồng thành viên và pháp luật.
After the dissolution decision is issued, the Council of Members shall establish a Liquidation Committee to handle the assets of the Company at the time of dissolution. All issues arising in the process of dissolution shall be settled by the Liquidation Committee and responsible for its decisions before the Council of Members and the laws.

Điều 55. Phá sản

Article 55. Bankruptcy

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.
The Company's bankruptcy shall be complied with the law on bankruptcy, applicable to finance and banking enterprises.

Chương VII – THỂ THỨC SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
Chapter VII – AMENDMENT AND SUPPLEMENT TO THE CHARTER

Điều 56. Bổ sung và Sửa đổi Điều lệ

Article 56. Amendment and supplement to the Charter

56.1 Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Hội đồng thành viên xem xét quyết định.

Any amendment and supplement to this Charter must be considered and decided by the Council of Members.

56.2 Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập hoặc có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong bản Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

In case any provisions of law relating to the Company's operations are uncovered herein or any new provisions of law are discrepant from those of this Charter, such provisions of law shall automatically apply and govern the Company's operations.

Chương VIII – HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ
Chapter VIII – VALIDITY OF THE CHARTER

Điều 57. Ngày hiệu lực

Article 57. Effective date

57.1 Bản điều lệ này gồm tám (08) Chương, năm mươi bảy (57) Điều được Hội đồng thành viên Công ty nhất trí thông qua ngày 17 tháng 02 năm 2023 và chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ.

This Charter comprises of 08 Chapters and fifty-seven (57) Articles, adopted on 17 February 2023 and approved the validity of the full text of this Charter by the Council of Members of the Company

- 57.2 Điều lệ này được lập bằng tiếng Anh và tiếng Việt, có giá trị như nhau. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa bản tiếng Anh và tiếng Việt thì bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.
This Charter is made in bilingual of English and Vietnamese of the same legal validity. In case of inconsistency between English and Vietnamese, the Vietnamese shall prevail.
- 57.3 Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty
This is the sole and official Charter of the Company.
- 57.4 Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người đại diện pháp luật của Công ty mới có giá trị.
Copies or extracts of the Company's Charter shall only be valid when it is signed by the Chairman or the legal representative of the Company.
- 57.5 Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được thông qua tại Điều 57.1 Điều lệ này.
This Charter takes effect from the date of adoption in Article 57.1 of this Charter.
- 57.6 Chữ ký của Người đại diện theo pháp luật Công ty.
Signature of THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT - Chủ tịch Hội đồng thành viên



LEGAL REPRESENTATIVE – Chairman *lu*

Chao Jen-Kai
CHAO, JEN-KAI